

Số: 340 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách.
Quy định tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách
thành phố Hà Nội năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Chương trình kỳ họp thứ 3 của HĐND Thành phố Khóa XVI, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách và quy định tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội như sau:

A/ Sự cần thiết ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội và các căn cứ pháp lý để xây dựng cơ chế phân cấp

I/ Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Một là, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 có hiệu lực từ năm 2017, tại Điều 4 quy định “*thời kỳ ổn định ngân sách địa phương là thời kỳ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong thời gian 05 năm, trùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm hoặc theo quyết định của Quốc hội*”. Theo đúng lộ trình, năm 2020 là năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách 2017- 2020, thời kỳ ổn định ngân sách tiếp theo (từ 2021 đến năm 2025). Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV cho phép kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Do vậy, cần quy định tỷ lệ điều tiết (%) các khoản thu giữa các cấp ngân sách của Thành phố năm 2022.

Hai là, thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố: Số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; trong đó quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách Thành phố áp dụng giai đoạn 2017-2020; Số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 Quy định về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia một số khoản thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội; Số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021 trong đó cho

phép kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2021 đối với quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tại các Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 và số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố; Số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị. Vì vậy, hết năm 2021 cần thiết phải ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung để các cấp ngân sách Thành phố tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới.

Ba là, tại Quyết định số của Bộ Tài chính, quy định về tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố năm 2022 thay đổi so với giai đoạn 2017-2021, do vậy cần phải quy định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách Thành phố cho phù hợp.

Bốn là, phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định quyết số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021, trong đó có sự thay đổi về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương; nên cần điều chỉnh lại phân cấp nhiệm vụ chi và quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách Thành phố cho phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước đã ban hành.

Năm là, trong quá trình thực hiện, phân cấp nguồn thu, tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách Thành phố giai đoạn 2017-2021 đã bộc lộ những điểm hạn chế, không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Sáu là, Thành phố đã quyết định phê duyệt đề án xây dựng 5 huyện lên quận (Hoài Đức, Đan Phượng, Gia Lâm, Thanh Trì, Đông Anh) do vậy cần điều chỉnh lại phân cấp nguồn thu và quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu để tạo nguồn lực cho các huyện thực hiện Đề án.

Theo quy định tại tiết c, d khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, quy định nhiệm vụ, quyền hạn HĐND cấp tỉnh: “c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này; d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương;”. Với các lý do nêu trên cho thấy đủ căn cứ và sự cần thiết phải xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân các cấp ngân sách và quy định tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022.

II/ Các căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Quyết định số /QĐ-TTg ngày //2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022;

Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố ban hành về việc phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

B/ Tình hình thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách Thành phố giai đoạn 2017-2021

1/ Những kết quả đạt được:

- Việc phân cấp ngân sách đã đảm bảo các quy định pháp luật, đã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội của Thành phố, tạo động lực phát triển kinh tế và xây dựng bộ máy chính quyền các cấp, phát huy mọi nguồn lực, huy động để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo tính đồng bộ trong quản lý điều hành ngân sách trên toàn địa bàn Thành phố, tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế các địa phương.

- Nội dung phân cấp ngân sách đã tạo điều kiện nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền cơ sở, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và xuyên suốt từ ngân sách cấp Thành phố đến quận huyện thị xã và xã phường thị trấn, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn để các cấp chủ động và tự chịu trách nhiệm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính-ngân sách.

- Giúp chính quyền địa phương các cấp chủ động trong việc quản lý điều hành thu, chi ngân sách; Cơ cấu lại nhiệm vụ chi ở cơ sở để tăng cường hiệu quả các khoản chi ngân sách; Phân cấp ổn định tạo động lực cho chính quyền cấp huyện, cấp xã khai thác và nuôi dưỡng nguồn thu; tăng nguồn thu để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh trên địa bàn.

- Đã cơ bản phân cấp tối đa nguồn thu phát sinh trên địa bàn cho quận, huyện, thị xã, góp phần nâng cao tính năng động của chính quyền cấp huyện, cấp xã trong việc quản lý, khai thác các nguồn thu trên địa bàn; chủ động trong việc sử dụng các khoản thu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi của cơ sở; đảm bảo nguyên tắc khoản thu nào gắn với quận, huyện, thị xã quản lý phân cấp, điều tiết cho quận, huyện, thị xã hưởng (cụ thể Thành phố đã phân cấp tối đa số thu về quận, huyện, thị xã đối với: lĩnh vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê

đất, mặt nước, tiền sử dụng đất, các loại phí, lệ phí, thu khác quận huyện thị xã quản lý).

- Phân cấp nhiệm vụ chi đã cụ thể nhiệm vụ chi đầu tư và chi thường xuyên giữa các cấp ngân sách (nhiệm vụ chi nào thuộc Thành phố, nhiệm vụ chi nào thuộc quận, huyện, thị xã,...).

Như vậy, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi hiện nay cơ bản là phù hợp và tác động tích cực đến việc quản lý, khai thác nguồn thu và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương: thu ngân sách nhà nước các năm đều hoàn thành dự toán Chính phủ giao (năm 2017 đạt 103,8%, năm 2018 đạt 103,4%, năm 2019 đạt 102,6%, năm 2020 đạt 103,1%, dự báo năm 2021 khó khăn hơn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 chỉ đạt ...%); đặc biệt là trong các năm nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, thu ngân sách địa phương đáp ứng các nhiệm vụ chi, đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cấp, các ngành, các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2017-2021 đã nâng số quận, huyện tự đảm bảo cân đối ngân sách lên 10 đơn vị¹ (giai đoạn 2011-2016 số đơn vị tự đảm bảo cân đối là 7 quận), đã khuyến khích địa phương trong công tác quản lý, khai thác nguồn thu, đồng thời nâng cao tính chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2/ Những tồn tại, hạn chế.

a) Phân cấp về nguồn thu:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất theo phân cấp hiện nay, toàn bộ các huyện và thị xã Sơn Tây được hưởng 100% tiền sử dụng đất đối với đất đấu giá, các quận được hưởng tỷ lệ 30% đối với dự án đấu giá có quy mô trên 5.000m² hoặc dưới 5.000m² tiếp giáp đường phố; các dự án giao đất các quận, huyện, thị xã được hưởng theo tỷ lệ từ 30-60%. Tuy nhiên cơ cấu thu tiền sử dụng đất của 2 cấp ngân sách có biến động lớn so với các năm trước do Thành phố giảm dần hình thức giao đất; ngoài ra, việc điều tiết và kiểm tra việc điều tiết của Kho bạc Nhà nước gặp khó khăn do các hồ sơ khi nộp tiền không thể hiện đầy đủ về quy mô.

- Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài): Theo phân cấp hiện nay, khoản thu này là nguồn thu ngân sách cấp quận, huyện, thị xã. Tuy nhiên qua triển khai thực tế phát sinh khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước trả tiền 01 lần cho cả quá trình thuê (thường là 50 năm), khoản thu này có tính chất không ổn định hằng năm nên ảnh hưởng đến nguồn lực cân đối ngân sách của quận, huyện, thị xã; do vậy cần điều chỉnh để phù hợp với tính chất khoản thu và đảm bảo tính ổn định cho ngân sách các cấp.

¹ Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Tây Hồ, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm

- Đã phân cấp tối đa nguồn thu được phân cấp quản lý cho ngân sách huyện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí đảm bảo cân đối thu chi đối với các huyện thực hiện đề án lên quận, do vậy cần điều chỉnh đề 5 huyện tại Đề án xây dựng huyện lên quận (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) có khả năng đảm bảo được chỉ tiêu cân đối thu chi ngân sách.

b) Phân cấp về nhiệm vụ chi:

- Việc phân cấp nhiệm vụ chi cơ bản hiện tại cơ bản phù hợp với Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố về việc phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, đến nay phát sinh một số nội dung, lĩnh vực do có sự thay đổi một số nội dung phân cấp quản lý kinh tế xã hội trong khi quy định về phân cấp nhiệm vụ chi chưa điều chỉnh, dẫn đến phải điều chỉnh ngân sách giữa các cấp.

- Hàng năm, ngân sách hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị ngành dọc trên địa bàn (cơ quan tư pháp, tòa án..) và hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia nhưng Thành phố chưa quy định cụ thể nhiệm vụ chi nêu trên. Căn cứ Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, trong giai đoạn tới cần quy định cụ thể những nội dung trên.

C/ Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội:

1/ Mục tiêu

Nội dung phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hà Nội nhằm phân định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp ngân sách, vừa đảm bảo tính tập trung, thống nhất của ngân sách cấp trên, vừa tăng cường tính tích cực, chủ động sáng tạo cho ngân sách cấp dưới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và khai thác, sử dụng tối đa tiềm năng, lợi thế ở địa phương, tạo động lực cho các địa phương thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2/ Nguyên tắc

- Đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời phù hợp với quy định khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị Hà Nội.

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách phải phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của các cấp chính quyền địa phương; Phải bảo đảm nguồn lực cho chính quyền địa phương thực hiện được các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp.

- Kế thừa kết quả đạt được từ việc thực hiện phân cấp ngân sách trong giai đoạn 2017-2021 quy định tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố: Số

13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; Số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 Quy định về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia một số khoản thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội; Số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị. Đồng thời, điều chỉnh các bất cập trong quá trình thực hiện.

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách phải tạo sự chủ động trong việc quản lý điều hành của các cấp ngân sách địa phương, đảm bảo sự chỉ đạo tập trung của cấp Thành phố, đồng thời nâng mức tự chủ của các quận, huyện, thị xã. Phân cấp đảm bảo khai thác, huy động tốt nguồn thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn; nguồn thu gắn với cấp quận, huyện, thị xã (gọi chung là cấp huyện) và xã, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thì cơ bản phân cho cấp đó hưởng tỷ lệ điều tiết tối đa theo Luật Ngân sách nhà nước quy định để tăng cường nguồn lực cho ngân sách cấp huyện, cấp xã chủ động cân đối ngân sách, nâng số lượng quận, huyện tự cân đối ngân sách hơn so với giai đoạn trước. Đối với 05 huyện có đề án xây dựng huyện thành quận, thực hiện phân chia tỷ lệ tối đa nguồn thu từ thuế, phí phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách Thành phố được hưởng) cho 05 huyện để đảm bảo nguồn lực và khả năng tự cân đối thu chi ngân sách.

- Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp.

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội được áp dụng từ năm 2022. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách được áp dụng riêng cho năm 2022 và được xác định lại sau khi Trung ương xác định tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2023-2025 cho thành phố Hà Nội. Trong đó, các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội theo Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày .../.../2021 của Thủ tướng Chính phủ.

D/ Đề xuất phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội:

I/ Về phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách

Việc phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội đang thực hiện cơ bản đã phù hợp với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp tiến trình cải cách tài chính công, hiện đại hóa ngành tài chính và công tác quản lý, khai thác nguồn thu ở địa phương. Do vậy, về cơ bản đề xuất phân cấp nguồn thu theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND, cập nhật phân cấp một số khoản thu đã được điều chỉnh, bổ sung trong giai đoạn ổn định ngân sách 2017-2021 và đề xuất điều chỉnh phân cấp đối với một số khoản thu do còn bất cập trong quá trình triển khai thực hiện; cụ thể:

1. Cập nhật các quy định

1.1. Cập nhật các khoản thu chậm nộp tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố

a) Cập nhật các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% quy định tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2017, gồm:

Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật

Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)

Tiền chậm nộp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán

Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật

Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý²

b) Cập nhật các khoản thu phân chia với ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND, cụ thể gồm:

- Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng bao gồm cả tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ tiền chậm nộp thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

- Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ tiền chậm nộp thuế thu nhập từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí).

- Tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể TTĐB hàng nhập khẩu).

- Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân.

² Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể:

- Tiền chậm nộp lệ phí môn bài.
- Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ.
- Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước.
- Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản).
- Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).
- Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định).
- Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý
- Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
- Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

- Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).

1.2. Cập nhật điều chỉnh phân cấp một số khoản thu khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị

Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị; trong đó *điều chỉnh phân cấp các khoản thu của ngân sách phường thành khoản thu của ngân sách quận và thị xã Sơn Tây*; cập nhật lại gồm các khoản:

- Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn phường.
- Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn phường.
- Thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước phường quản lý (phần nộp NSNN).
- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho phường theo quy định của pháp luật.
- Phí, lệ phí do phường tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).
- Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác do phường thực hiện và quản lý (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định).
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do phường xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác trên địa bàn phường.
- Tiền đền bù thiệt hại đất đối với đất thuộc phường quản lý.
- Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho phường.
- Thu khác do phường thu (phần thu NSNN theo quy định).
- Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương do phường thực hiện và quản lý theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định).
- Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do phường quản lý (phần thu NSNN theo quy định).

1.3 Cập nhật các khoản thu theo quy định tại Nghị quyết số 115/2020/NQ-QH14 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với ngân sách thành phố Hà Nội.

Nghị quyết 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, trong đó có quy định:

- Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội.

- Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng toàn bộ số thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Do vậy đề xuất cập nhật các khoản thu trên cho ngân sách cấp Thành phố.

2. Điều chỉnh, bổ sung quy định phân cấp một số khoản thu

2.1. Tiền sử dụng đất

Hiện nay, thu tiền sử dụng đất đang phân cấp cho ngân sách Thành phố và ngân sách quận, huyện, thị xã; tuy nhiên chia quy mô thành đất trên 5.000m² và dưới 5.000m² tiếp giáp đường phố. Việc chia quy mô có một số tồn tại như đã nêu ở trên, do vậy đề xuất điều chỉnh lại nội dung phân cấp theo hướng tiếp tục phân chia nguồn thu cho ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp quận, huyện, thị xã nhưng không phân chia theo tiêu thức quy mô đất và loại hình tổ chức thực hiện (giao dự án hay đấu giá). Ngoài ra, bổ sung thêm nội dung phân cấp cho ngân sách cấp thành phố khoản thu đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của thành phố thực hiện.

2.2. Đề xuất điều chỉnh phân cấp khoản thu “Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)”

Theo phân cấp hiện nay, khoản thu này là nguồn thu ngân sách cấp quận, huyện, thị xã. Tuy nhiên qua triển khai thực tế phát sinh khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước trả tiền 01 lần cho cả quá trình thuê (thường là 50 năm), khoản thu này thường có giá trị lớn và không ổn định hàng năm nên ảnh hưởng đến cân đối ngân sách của các quận, huyện, thị xã; mặt khác khoản thu này có tính chất như tiền sử dụng đất dự án; do vậy đề xuất điều chỉnh khoản thu tiền thuê đất mặt nước nộp một lần (không bao gồm tiền thuê đất, mặt nước thuộc thẩm quyền quyết định của UBND xã, phường, thị trấn) thành khoản thu của ngân sách cấp thành phố để phù hợp với tính chất khoản thu và đảm bảo tính ổn định cho ngân sách các cấp.

2.3. Đề xuất bổ sung phân cấp một số khoản thu cho 05 huyện đang thực hiện Đề án lên quận để đảm bảo chỉ tiêu tự cân đối

Theo quy định hiện nay, có một số khoản thu thuộc nguồn thu phân chia của ngân sách Trung ương, ngân sách cấp Thành phố và không phân cấp nguồn

thu cho ngân sách cấp huyện; tuy nhiên để đảm bảo cho 05 huyện có đề án xây dựng huyện thành quận (gồm Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) có khả năng đảm bảo chỉ tiêu cân đối thu chi ngân sách, đề xuất phân cấp nguồn thu này cho 05 huyện thành nguồn thu phân chia giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp huyện; cụ thể gồm các khoản thu sau:

(1) Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hoạt động xổ số kiến thiết, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ Doanh nghiệp nhà nước Trung ương, Doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

(2) Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí) thu từ Doanh nghiệp nhà nước Trung ương, Doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

(3) Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ Doanh nghiệp nhà nước Trung ương, Doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

(4) Thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu qua KBNN Hà Nội.

(5) Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu);

(6) Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

(7). Ngoài ra, đối với tiền thuê đất, mặt nước của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện đang phân cấp nguồn thu cho ngân sách cấp Thành phố, tuy nhiên để đảm bảo nguồn lực cho 05 huyện có Đề án xây dựng huyện thành quận (gồm Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng), đề xuất điều chỉnh phân cấp nguồn thu này cho 05 huyện.

(8). Đồng thời điều chỉnh phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp phát sinh trên địa bàn cho 5 huyện có đề án xây dựng huyện thành quận (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) đối với các khoản thu:

- Tiền chậm nộp thuế tài nguyên thu từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài.

- 03 khoản thu tiền chậm nộp từ DNNN Trung ương, từ DNNN Địa phương (không kể thuế GTGT từ hoạt động Xổ số kiến thiết), từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, gồm: Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng bao gồm cả tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ tiền chậm

nộp thuế GTGT thu từ hàng hoá nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ tiền chậm nộp thuế thu nhập từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí); Tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu).

- Khoản thu tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội.

- Khoản thu tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu).

II/ Về phân cấp nhiệm vụ chi

II.1/ Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

Đề xuất điều chỉnh quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND đối với nhiệm vụ đầu tư thuộc 06 lĩnh vực cho phù hợp với nội dung phân cấp quản lý đầu tư đã được UBND Thành phố quyết nghị tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố về ban hành phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; cụ thể điều chỉnh đầu tư các lĩnh vực gồm: (1) Đầu tư lĩnh vực thủy lợi; (2) Đầu tư lĩnh vực giao thông; (3) Đầu tư công trình chiếu sáng công cộng; (4) Đầu tư công trình thoát nước; (5) Đầu tư công trình Văn hoá - Thể thao; (6) Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Điều chỉnh một số từ ngữ, không thay đổi phân cấp đối với 06 lĩnh vực đầu tư để cập nhật với các quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố gồm: (1). Công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước (2) Vệ sinh môi trường; (3) Văn hoá - thể thao; (4) Giáo dục - Đào tạo; (5) Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm; (6) Tang lễ.

Đề xuất sửa đổi nhiệm vụ: “Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận (không bao gồm hạ tầng đất xen kẹt, nhỏ lẻ có diện tích nhỏ hơn 5000m² nhưng không tiếp giáp đường, phố” và chuyển nhiệm vụ này về các quận thực hiện để tạo chủ động cho các quận trong việc triển khai quy trình đấu giá đất (các huyện, thị xã Sơn Tây đã được phân cấp thực hiện nhiệm vụ này tại Nghị quyết 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016); đồng thời bổ sung quy định thành phố chỉ đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức thực hiện đấu giá.

Bổ sung mới nhiệm vụ “Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp” thực hiện theo Khoản 1, Điều 9 Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội (từ 01/01/2019 công tác quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện).

Bổ sung nhiệm vụ chi “*Đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm theo phân cấp và quy định*”. Theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội, việc đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm (Thành phố quản lý) thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố.

2. Chi thường xuyên

Các lĩnh vực chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 về cơ bản được xây dựng ngắn gọn, nên nội dung bao trùm cả các nội dung điều chỉnh của phân cấp quản lý hạ tầng, kinh tế - xã hội, do đó không cần sửa đổi, bổ sung nhiều ngoài một số nội dung sau:

a. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do cấp Thành phố quản lý

Sửa đổi tên “*Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do cấp Thành phố quản lý*” thành “*Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do cấp Thành phố quản lý*” để phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp.

b. Các hoạt động sự nghiệp y tế do cấp Thành phố quản lý

Bổ sung nhiệm vụ chi về dân số và gia đình do chuyên nhiệm vụ chi từ quận, huyện, thị xã về Thành phố theo quy định tại Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương, Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND Thành phố về việc tổ chức lại Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã trực thuộc Sở Y tế.

c. Các hoạt động sự nghiệp văn hoá do cấp Thành phố quản lý

Bổ sung nhiệm vụ chi thường xuyên cấp Thành phố: “*Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng các di tích quan trọng mà thành phố trực tiếp đầu tư (trừ di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến cấp huyện quản lý)*” để làm rõ thêm các nhiệm vụ tại Nghị quyết 13/2016/NQ-HĐND chưa quy định cụ thể và phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.

d. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường

Sửa đổi nhiệm vụ: “*Quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý*” thành “*Quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý trừ việc duy trì vệ sinh tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long.*” để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố. Cập nhật Điều, Khoản theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội.

e. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý

Điều chỉnh nhiệm vụ chỉ thường xuyên cho công tác quy hoạch, chỉ quy định nhiệm vụ chỉ đối với các nội dung thuộc kinh phí chỉ thường xuyên cấp Thành phố (Thực hiện theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, từ 01/01/2019 chỉ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố và điều chỉnh quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện; đối với chỉ đánh giá quy hoạch, quy hoạch có tính chất chuyên ngành được sử dụng kinh phí chỉ thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ).

II.2/ Nhiệm vụ chỉ của ngân sách quận, huyện, thị xã

1. Chỉ đầu tư phát triển

Để phù hợp với nội dung nội dung phân cấp quản lý đầu tư đã được UBND Thành phố quyết nghị tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố về ban hành phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; đề xuất điều chỉnh quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND đối với nhiệm vụ đầu tư thuộc 04 lĩnh vực; cụ thể điều chỉnh đầu tư các lĩnh vực gồm: (1) Đầu tư lĩnh vực thủy lợi; (2) Đầu tư công trình thoát nước; (3) Đầu tư công trình Văn hoá - Thể thao; (4) Đầu tư lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo.

Bổ sung các nhiệm vụ đầu tư của ngân sách quận, huyện, thị xã:

- “*Đầu tư lắp đặt mới, cải tạo, nâng cấp chiếu sáng ngõ, xóm; cải tạo hệ thống chiếu sáng tại các khu vực Thành phố quản lý trong trường hợp chính trang cải tạo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ*” để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.

- “*Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận do quận tổ chức đấu giá*” để tạo chủ động cho các quận trong việc triển khai quy trình đấu giá đất.

- Bổ sung mới nhiệm vụ *“Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp”* thực hiện theo Khoản 1, Điều 9 Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội (từ 01/01/2019 công tác quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện).

- Bổ sung nhiệm vụ chi *“Đầu tư xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối theo phân cấp và quy định”*. Theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội, việc đầu tư xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối (cấp huyện quản lý) thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.

2. Chi thường xuyên

Các lĩnh vực chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 về cơ bản được xây dựng ngắn gọn, nên nội dung bao trùm cả các nội dung điều chỉnh của phân cấp quản lý hạ tầng, kinh tế - xã hội, do đó không cần sửa đổi, bổ sung nhiều ngoài một số nội dung sau:

Sửa đổi tên *“Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do quận, huyện, thị xã quản lý”* thành *“Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do quận, huyện, thị xã quản lý”* để phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Điều chỉnh nhiệm vụ chi hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do điều chuyển nhiệm vụ dân số và gia đình về cấp Thành phố theo tại Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế và Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND Thành phố về việc tổ chức lại Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã trực thuộc Sở Y tế.

Bổ sung thêm nhiệm vụ: *Duy trì vệ sinh môi trường tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long trên địa bàn”* để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố. Cập nhật Điều, Khoản theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội.

Bổ sung thêm nhiệm vụ: *“Chi các nhiệm vụ thường xuyên do phường thực hiện như các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, thị trấn (trừ hoạt động của HĐND)”* do các phường áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị.

Điều chỉnh nhiệm vụ chi thường xuyên cho công tác quy hoạch, chỉ quy định nhiệm vụ chi đối với các nội dung thuộc kinh phí chi thường xuyên cấp huyện (Thực hiện theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, từ 01/01/2019 chi công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố và điều chỉnh quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện; đối với chi đánh giá quy hoạch, quy hoạch có tính chất chuyên ngành được sử dụng kinh phí chi thường xuyên).

3. Điều chỉnh nhiệm vụ “*Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn*” thành “*Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn*” do không tổ chức HĐND cấp các phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị (không còn ngân sách cấp phường).

4. Bổ sung nhiệm vụ “*Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại điểm a và b Khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13*” theo quy định của Luật NSNN; cụ thể:

- Chi hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

- Chi cho các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.

5. Bổ sung nhiệm vụ chi ngân sách quận hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.

II.3/ Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển

Đề xuất cơ bản giữ nguyên phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho các xã và thị trấn theo quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; trong đó về phạm vi nguồn kinh phí (như nguồn tăng thu, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân; nguồn đấu giá quyền sử dụng đất được cấp lại, nguồn tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất; nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và các nguồn khác theo quy định của pháp luật) để thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của huyện, thị xã và trong phạm vi tự cân đối của ngân sách của xã, thị trấn. Không quy định kết dư là nguồn để chi đầu tư do kết dư theo quy định của Luật NSNN là khoản tính tăng thu ngân sách.

Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị, do đó không quy định nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp phường.

2. Chi thường xuyên

Đề xuất giữ nguyên phân cấp nhiệm vụ chi thường xuyên cho các xã và thị trấn theo quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; đồng thời, thực hiện Nghị quyết Số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị, do đó không quy định nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp phường.

(Chi tiết phân cấp nhiệm vụ chi theo Phụ lục 01 đính kèm)

E/ Đề xuất tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022

Về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội hiện đang áp dụng theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định của Trung ương, trong đó: Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%; Các khoản thu phân chia với ngân sách Trung ương (tỷ lệ phân chia theo quy định của ngân sách Trung ương). Căn cứ thực tế tình hình địa phương và khả năng cân đối giữa ngân sách địa phương, HĐND Thành phố quyết định tỷ lệ phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng.

Qua thực tế triển khai giai đoạn vừa qua, trên cơ sở đánh giá các kết quả đạt được và các tồn tại vướng mắc, xuất phát từ việc cập nhật điều chỉnh phân cấp nguồn thu nêu trên, đề xuất cơ bản giữ nguyên các tỷ lệ phân chia nguồn thu như quy định hiện hành và điều chỉnh tỷ lệ phân chia một số khoản thu để phù hợp, đảm bảo nguồn lực cho các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm:

I. Đối với các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung (04 khoản thu):

1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)

Hiện nay, đối với thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang quy định ngân sách cấp Thành phố hưởng 100%; tuy nhiên để đảm bảo nguồn lực cho 05 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) thực hiện đề án xây dựng huyện thành quận; đề xuất phân chia nguồn thu này cho 05 huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì,

Hoài Đức, Đan Phượng hưởng 100% khoản thu phát sinh trên địa bàn; số thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại, ngân sách cấp Thành phố hưởng 100% như quy định hiện nay.

2. Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý)

Hiện tại, tỷ lệ phân chia khoản thu tiền sử dụng đất được quy định các tỷ lệ phân chia khác nhau theo mỗi loại hình tổ chức thực hiện; và theo các tiêu thức quy mô, khu vực khác nhau như: Tiền sử dụng đất các dự án di dời theo Quyết định số 09/2007/QĐ- TTg (hiện nay thay bởi Nghị định số 167/2017/NĐ-CP); đất có quy mô trên 5000 m²; đất nhỏ lẻ xen kẹt dưới 5000 m² không tiếp giáp đường, phố; tiền sử dụng đất các dự án giao đất và tiền đấu giá quyền sử dụng đất

Về tỷ lệ điều tiết; hiện nay đang quy định:

(1) Tiền sử dụng đất các dự án di dời theo Quyết định số 09/2007/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ và Tiền sử dụng đất các dự án đấu giá đất thực hiện cơ chế đầu tư trở lại phát triển hạ tầng khu đấu giá đất điều tiết 100% ngân sách cấp Thành phố.

(2) Đối với loại đất có quy mô diện tích từ 5000 m² trở lên; hoặc đất dưới 5000 m² tiếp giáp với đường, phố.

* Tiền sử dụng đất các dự án giao đất (ngoài các dự án di dời theo Quyết định số 09/2007/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ):

- Các huyện, thị xã: Sóc Sơn, Ba Vì, Mỹ Đức, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hoà, Chương Mỹ, Thường Tín, Phúc Thọ, Thanh Trì, Sơn Tây. Điều tiết ngân sách cấp Thành phố 40% ngân sách cấp huyện hưởng 60%.

- Các huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Đan Phượng, Mê Linh: Điều tiết ngân sách cấp Thành phố 60% ngân sách cấp huyện hưởng 40%.

- Các quận: điều tiết ngân sách cấp Thành phố 70% ngân sách cấp huyện hưởng 30%.

* Tiền đấu giá quyền sử dụng đất và tiền đất khác: điều tiết ngân sách cấp Thành phố 70-30 đối với các quận và 100% đối với các huyện, thị xã.

(3) Đối với loại đất có quy mô diện tích dưới 5000 m² (nhỏ lẻ, xen kẹt) không tiếp giáp với đường, phố và tiền đất khác: điều tiết 100% cho ngân sách quận, huyện, thị xã.

Tuy nhiên cơ cấu thu tiền sử dụng đất của 2 cấp ngân sách (Thành phố và quận, huyện) có biến động lớn so với các năm trước do Thành phố giảm dần hình thức giao đất. Ngoài ra, do chia quy mô nên việc điều tiết và kiểm tra việc điều tiết của Kho bạc Nhà nước gặp khó khăn do các hồ sơ khi nộp tiền không thể hiện đầy đủ về quy mô. Mặt khác, các huyện, thị xã cơ bản đến năm 2021 hoàn thành xây dựng nông thôn mới, từ năm 2022 thực hiện duy trì và nâng cao. Do vậy đề xuất việc phân chia khoản thu không theo tiêu thức quy mô đất

cũng như loại hình tổ chức thực hiện (giao đất dự án hay đấu giá đất, trừ các trường hợp đặc thù); đồng thời điều chỉnh tỷ lệ phân chia theo hướng vừa đảm bảo nguồn lực cho Thành phố thực hiện các nhiệm vụ đầu tư chủ đạo, trọng điểm, vừa đảm bảo nguồn lực cho các quận, huyện, thị xã thực hiện các nhiệm vụ chỉ đầu tư XDCHB theo phân cấp; cụ thể:

(1) Tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Tiền sử dụng đất các dự án đấu giá đất thực hiện cơ chế đầu tư trở lại phát triển hạ tầng khu đấu giá đất: đây là các dự án có cơ chế riêng hoặc để thực hiện đầu tư theo các dự án của Thành phố theo cơ chế đặc thù, đề xuất điều tiết 100% ngân sách cấp Thành phố (giữ nguyên như quy định hiện hành).

(2) Tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (phần ngân sách địa phương được hưởng): Ngân sách cấp Thành phố hưởng 100% theo quy định thí điểm cơ chế đặc thù Thủ đô tại Nghị quyết số 115/2020/NQ-QH14.

(3) Tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá: Ngân sách cấp Thành phố hưởng 100% để đảm bảo nguồn lực thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của Thành phố khi dùng thực hiện cơ chế BT

(4) Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá):

Đối với các quận: Ngân sách cấp Thành phố hưởng 65%, ngân sách quận hưởng 35% (tăng so với quy định hiện hành để đảm bảo nguồn lực cho các quận thực hiện nhiệm vụ chi mới bổ sung về đầu tư hạ tầng khu đấu giá)

Đối với 05 huyện có Đề án xây dựng huyện thành quận: Ngân sách cấp Thành phố hưởng 20%, ngân sách huyện hưởng 80% (hiện nay huyện hưởng 40%-60% đối với thu giao đất dự án và 100% đối với thu đấu giá đất)

Đối với các huyện, thị xã còn lại: Ngân sách cấp Thành phố hưởng 30%, ngân sách huyện hưởng 70% (hiện nay huyện hưởng 40%-60% đối với thu giao đất dự án và 100% đối với thu đấu giá đất; việc quy định phân chia như đề xuất phù hợp với thực trạng hiện nay các huyện cơ bản đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới, mục tiêu tập trung nguồn lực cho các huyện để xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn trước cơ bản đã đạt được và Thành phố cần tập trung nguồn lực để giữ vai trò chủ đạo trong thực hiện nhiệm vụ đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm giao thông, đường sắt đô thị)

3. Tiền cho thuê đất, mặt nước

(1) Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Theo quy định hiện nay, khoản thu này ngân sách cấp quận, huyện, thị xã hưởng 100%. Tuy nhiên qua triển khai thực tế phát sinh khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước trả tiền 01 lần cho cả quá trình thuê (thường là 50 năm), khoản thu này thường có giá trị lớn và không ổn định hằng năm, nếu phân chia cho quận, huyện hưởng, sẽ ảnh hưởng đến cân đối của ngân sách cấp huyện trong các năm không phát sinh nguồn thu này; do đó cần điều chỉnh tỷ lệ phân chia tiền thuê đất 01 lần để đảm bảo cân đối ổn định cho ngân sách các quận, huyện, thị xã; cụ thể đề xuất:

- Đối với tiền thuê đất, mặt nước nộp một lần, ngân sách cấp Thành phố hưởng 100%;

- Tiền thuê đất nộp hàng năm, ngân sách quận, huyện, thị xã hưởng 100%.

Bên cạnh đó, để đảm bảo cho các quận, huyện, thị xã được hưởng một phần số thu tiền thuê đất nộp một lần phát sinh trên địa bàn, đề xuất ngân sách cấp Thành phố cấp lại một phần tiền thuê đất nộp một lần cho các quận, huyện, thị xã theo thực tế số phát sinh, khả năng cân đối của ngân sách Thành phố và tối đa bằng tỷ lệ phân chia tiền sử dụng đất giữa ngân sách Thành phố và ngân sách cấp huyện để các quận, huyện, thị xã thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (đối với các quận, tối đa 35%; đối với 05 huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng được, tối đa 80%; các huyện, thị xã còn lại, tối đa 70%); hình thức ngân sách Thành phố cấp về ngân sách các quận, huyện, thị xã để thực hiện.

(2) Tiền cho thuê đất, mặt nước của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Hiện nay quy định ngân sách cấp Thành phố hưởng 100%, tuy nhiên để đảm bảo nguồn lực cho 05 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) thực hiện Đề án xây dựng huyện lên quận, đề xuất:

- Đối với 05 huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng: Tiền thuê đất phát sinh hàng năm huyện hưởng 100%; tiền thuê đất phát sinh 01 lần điều tiết ngân sách cấp Thành phố hưởng 100%.

- Phát sinh trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại: Ngân sách Thành phố hưởng 100%.

4. Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác

Hiện nay, đang quy định: Đối với các quận, huyện tự đảm bảo cân đối, tỷ lệ phân chia nguồn thu này theo tỷ lệ riêng của từng quận, huyện trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn lực cho quận, huyện thực hiện nhiệm vụ chi được phân cấp; đối với các quận huyện còn lại, thực hiện điều tiết 65% cho ngân sách cấp Thành phố, 35% cho ngân sách cấp quận, huyện.

*** Đề xuất:**

Để tăng cường nguồn lực tối đa cho các quận, huyện, thị xã chưa tự cân đối ngân sách, đề xuất:

Tiếp tục xác định khoản thu này thuộc nhóm các khoản thu phân chia để xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu theo tỷ lệ riêng của từng quận, huyện, thị xã trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn lực cho quận, huyện, thị xã thực hiện nhiệm

vụ chi theo định mức, chính sách chế độ đã được phân cấp, đảm bảo cho các quận, huyện tự cân đối được thu chi ngân sách; trường hợp các quận, huyện, thị xã chưa tự cân đối được thu chi hoặc tỷ lệ điều tiết để đảm bảo cân đối ngân sách quận, huyện vượt quá tỷ lệ Trung ương điều tiết cho ngân sách Thành phố đối với các khoản thu phân chia (32%) thì ngân sách quận, huyện, thị xã hưởng 100% khoản thu này.

II. Đối với các khoản thu phân chia giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách các cấp ở địa phương.

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước có 5 khoản thu phân chia giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách các cấp ở địa phương (bao gồm cả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý Thuế), gồm:

- Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- Thuế thu nhập cá nhân;
- Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

Đề xuất tỷ lệ phân chia như sau:

1. Đối với 03 khoản thuế và tiền chậm nộp: (1) Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu; (2) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Hiện nay đang điều tiết cho ngân sách Trung ương và ngân sách cấp Thành phố. Đề xuất tiếp tục điều tiết cho 2 cấp ngân sách (Ngân sách Trung ương và Ngân sách cấp Thành phố) theo tỷ lệ điều tiết Trung ương quy định cho thành phố Hà Nội; riêng đối với 05 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) xác định tỷ lệ điều tiết riêng của từng huyện trên cơ sở đảm bảo cân đối ngân sách và tối đa bằng tỷ lệ ngân sách trung ương điều tiết cho ngân sách Thành phố.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:

Hiện nay, đang áp dụng tỷ lệ điều tiết cho 3 cấp Ngân sách Trung ương - Ngân sách cấp Thành phố - Ngân sách cấp Huyện. Tỷ lệ phân chia nguồn thu này đối với các quận, huyện tự đảm bảo cân đối theo các tỷ lệ riêng của từng quận, huyện trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn lực cho quận, huyện thực hiện nhiệm vụ chi được phân cấp; các huyện thị xã còn lại hưởng tỷ lệ điều tiết 35% bằng tỷ lệ điều tiết khoản thu này của Trung ương cho ngân sách Thành phố.

Đề xuất phân cấp: Xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu này theo tỷ lệ riêng của từng quận, huyện, thị xã trên cơ sở đảm bảo cân đối ngân sách cho quận,

huyện, thị xã thực hiện nhiệm vụ chi theo chính sách chế độ đã được phân cấp; đối với khoản thu tại các huyện, thị xã chưa tự cân đối còn lại, thực hiện điều tiết cho ngân sách cấp huyện hưởng bằng tỷ lệ Trung ương điều tiết về cho Thành phố.

2. Đối với khoản thu thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả tiền chậm nộp)

- Hiện nay đang quy định:

+ Thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội; hiện nay đang điều tiết cho ngân sách Trung ương (65%) và ngân sách cấp Thành phố (35%);

+ Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân nộp qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội); đối với các quận, huyện, thị xã tự đảm bảo cân đối, tỷ lệ phân chia nguồn thu này theo tỷ lệ riêng của từng quận, huyện, thị xã; đối với khoản thu tại các quận, huyện, thị xã còn lại, thực hiện điều tiết cho ngân sách cấp huyện hưởng 35% (bằng tỷ lệ Trung ương điều tiết về cho Thành phố).

- Đề xuất phân cấp:

+ Thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu qua KBNN Hà Nội: Tiếp tục điều tiết cho ngân sách Trung ương và ngân sách cấp Thành phố theo tỷ lệ Trung ương điều tiết cho Thành phố; riêng đối với 05 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) xác định tỷ lệ điều tiết riêng của từng huyện trên cơ sở đảm bảo cân đối ngân sách và tối đa bằng tỷ lệ ngân sách trung ương điều tiết cho ngân sách Thành phố

+ Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm số nộp qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu qua KBNN Hà Nội): Tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc hiện hành, xác định tỷ lệ riêng của từng quận, huyện, thị xã trên cơ sở đảm bảo cân đối ngân sách cho quận, huyện; các quận huyện, thị xã chưa tự cân đối còn lại, thực hiện điều tiết cho ngân sách cấp huyện bằng tỷ lệ Trung ương điều tiết về cho Thành phố.

3. Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu (bao gồm tiền chậm nộp)

- Hiện nay đang phân chia cho ngân sách Trung ương (65%) và ngân sách cấp Thành phố (35%) theo tỷ lệ điều tiết của Trung ương cho Thành phố

- Đề xuất phân cấp: Tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc hiện hành, điều tiết cho ngân sách Trung ương và ngân sách cấp Thành phố theo tỷ lệ Trung ương điều tiết cho ngân sách Thành phố; riêng đối với 05 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng) xác định tỷ lệ điều tiết riêng của từng huyện trên cơ sở đảm bảo cân đối ngân sách và tối đa bằng tỷ lệ ngân sách trung ương điều tiết cho ngân sách Thành phố

Ngoài các nội dung đề xuất điều chỉnh tỷ lệ % phân chia các khoản thu như tại mục I, II nêu trên; các tỷ lệ % phân chia các nguồn thu còn lại tiếp tục thực hiện như quy định hiện hành.

(Gửi kèm Tờ trình phụ lục 02 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và phụ lục 03 về tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách)

Trên đây là nội dung trình về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách năm 2022; UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê chuẩn./. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KT&NS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP Đ. Q. Hùng, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KTHành. *HL*

20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Chu Ngọc Anh

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Tờ trình số 310/TT-UBND ngày 01/11/2021 của UBND Thành phố)

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
I	L. Nhiệm vụ chi cấp Thành phố		
	1. Chi đầu tư phát triển		
	Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hóa, hoặc chi xã hội hóa được một phần thuộc Thành phố quản lý. Cụ thể gồm các lĩnh vực:	Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hóa, hoặc chi xã hội hóa được một phần thuộc Thành phố quản lý. Cụ thể gồm các lĩnh vực:	
	1.1. Đầu tư lĩnh vực thủy lợi	1.1. Đầu tư lĩnh vực thủy lợi	
	Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi do Thành phố quản lý (công trình đầu mối; hệ thống kênh mương và công trình trên kênh...).	"Thành phố đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mở rộng công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi vừa trên địa bàn Thành phố (trừ công trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý); công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai xã, phường, thị trấn trở lên; công trình thủy lợi nhỏ (trạm bơm, cống, đập, đường ống, xi phông, tynel, cầu máng dùng để dẫn, chuyển, điều tiết nước) gắn với công trình thủy lợi do Thành phố quản lý (không bao gồm công trình thủy lợi nhỏ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng)".	Phù hợp với Luật Thủy lợi và phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	1.2. Đầu tư lĩnh vực đất đai	1.2. Đầu tư lĩnh vực đất đai	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các tuyến đường (kể cả công trình trên đất) từ cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường (kể cả công trình trên đất) từ cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.	
	1.3. Đầu tư lĩnh vực lâm nghiệp	1.3. Đầu tư lĩnh vực lâm nghiệp	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.	
	1.4. Đầu tư lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi	1.4. Đầu tư lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình, dự án phát triển cơ sở sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình, dự án phát triển cơ sở sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.	
	1.5. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước	1.5. Đầu tư các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước	Sửa đổi một số từ ngữ, không làm thay đổi phân cấp.
	Đầu tư xây dựng mới công viên (bao gồm cả hồ nước trong công viên) và vườn hoa lớn, quan trọng do Thành phố quản lý.	- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công viên (bao gồm cả hồ nước trong công viên) và vườn hoa lớn, quan trọng của Thành phố.	
	Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, quảng trường, trên hệ thống đường do Thành phố đầu tư.	- Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, quảng trường, trên hệ thống đường do Thành phố đầu tư.	
	1.6. Đầu tư lĩnh vực giao thông	1.6. Đầu tư lĩnh vực giao thông	
	a. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ (lòng đường, lề đường, hè, giải phân cách, cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các công trình đường bộ khác) gồm: đường cao tốc, đường quốc lộ do trung ương bàn giao về Thành phố quản lý; đường tỉnh lộ; các đường vành đai, đường trên cao; đường đô thị từ cấp đường khu vực (theo QCVN 07-4:2016/BXD) có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 16 m trở lên; các đường chính đi qua địa bàn từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.	Thành phố đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường bộ (bao gồm: lòng đường, lề đường, hè, giải phân cách, cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các hạng mục công trình đường bộ khác): Đường cao tốc, đường quốc lộ do Trung ương bàn giao về Thành phố đầu tư, quản lý; Đường vành đai, đường trên cao; Đường tỉnh lộ; Đường theo quy hoạch là đường huyện đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; Đường đô thị và đường theo quy hoạch là đường đô thị; quy chuẩn từ loại đường chính khu vực trở lên (theo QCVN 07-4:2016/BXD), có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 23 m trở lên theo quy hoạch) trên địa bàn các quận và 05 huyện có Đề án thành lập quận đến năm 2025 (gồm các huyện: Đông Anh, Đan Phượng, Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Trì); quy chuẩn từ loại đường khu vực trở lên (theo QCVN 07-4:2016/BXD), có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 16 m trở lên) đối với các huyện còn lại và thị xã Sơn Tây.	Phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	b. Đầu tư trạm thu phí, trạm kiểm tra trọng tải xe, hệ thống điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn trên hệ thống đường bộ thuộc thành phố quản lý.	b. Đầu tư trạm thu phí, trạm kiểm tra trọng tải xe, hệ thống điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn trên hệ thống đường bộ thuộc thành phố quản lý.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	c. Đầu tư hệ thống đường sắt đô thị.	c. Đầu tư hệ thống đường sắt đô thị.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	1.7. Đầu tư công trình bến xe ô tô, bãi đỗ xe, điểm đón trả khách, trạm dừng nghỉ (không gồm các dự án xã hội hóa), gồm:		Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	a. Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa) và các bến xe phục vụ công cộng;	a. Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa) và các bến xe phục vụ công cộng.	
	b. Đầu tư toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường thành phố quản lý;	b. Đầu tư toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường thành phố quản lý;	
	c. Đầu tư các bãi đỗ xe công cộng cấp Thành phố quản lý theo quy hoạch.	c. Đầu tư các bãi đỗ xe công cộng cấp Thành phố quản lý theo quy hoạch.	
	1.8. Đầu tư công trình bãi, bến cảng thủy	1.8. Đầu tư công trình bãi, bến cảng thủy	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phần cấp KTXH không có sự thay đổi.
	Đầu tư toàn bộ các công trình hạ tầng đường thủy nội địa cấp Thành phố quản lý, cảng, bến hàng hóa, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trên sông Hồng, sông Đà, sông Đuống.	Đầu tư toàn bộ các công trình hạ tầng đường thủy nội địa cấp Thành phố quản lý, cảng, bến hàng hóa, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trên sông Hồng, sông Đà, sông Đuống.	
	1.9. Đầu tư công trình chiếu sáng công cộng	1.9. Đầu tư công trình chiếu sáng công cộng	

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý sau đầu tư.	Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do Thành phố đầu tư; Xây dựng bổ sung hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý.	Tạo sự chủ động cho cấp huyện trong đầu tư lắp đặt mới, cải tạo chiếu sáng ngõ xóm, kịp thời giải quyết nhu cầu dân sinh bức xúc; đồng thời đảm bảo nguyên tắc tính hệ thống trên toàn thành phố của hệ thống chiếu sáng và phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
1.10.	Đầu tư công trình vệ sinh môi trường	1.10. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường	
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, mở rộng đồng bộ các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất tái tập trung trên địa bàn Thành phố, gồm: các khu liên hợp xử lý chất thải: Sóc Sơn; Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây; Đồng Ké và Núi Thương, huyện Chương Mỹ và các khu xử lý chất thải, đất tái tập trung khác của Thành phố theo quy hoạch.	- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đồng bộ các khu, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng tập trung trên địa bàn Thành phố, gồm: các khu liên hợp xử lý chất thải: Sóc Sơn; Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây và các khu xử lý chất thải, chất thải rắn xây dựng tập trung khác của Thành phố theo quy hoạch.	Điều chỉnh chuẩn xác từ theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng và phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các trạm trung chuyển chất thải phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải thuộc trách nhiệm của Thành phố.	- Xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
1.11.	Đầu tư công trình thoát nước	1.11. Đầu tư công trình thoát nước	
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: - Hệ thống thoát nước gần với các khu vực, các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố. - Hệ thống thoát nước liên khu vực (bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị) không gần trực tiếp với đường theo danh mục Thành phố phê duyệt. - Hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố.	"Thành phố đầu tư, xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hệ thống thoát nước gần với các khu vực (không bao gồm thoát nước ngõ, xóm); các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố; hệ thống thoát nước liên khu vực (bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị) không gần trực tiếp với đường theo danh mục do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt." - Hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố.	Phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
1.12.	Đầu tư công trình Văn hóa - Thể thao	1.12. Đầu tư công trình Văn hóa - Thể thao	
	a. Đầu tư bảo tồn các công trình, dự án bảo tàng, điện ảnh, thư viện Thành phố quản lý;	a. Đầu tư bảo tồn các công trình, dự án bảo tàng, điện ảnh, thư viện Thành phố quản lý;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	b. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa và Nhà thi đấu thể thao cấp Thành phố; Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao; Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên; Cung thiếu nhi Hà Nội.	b. Đầu tư Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa và nhà thi đấu thể thao cấp Thành phố; Cung thanh niên Thành phố; Cung thiếu nhi Hà Nội.	Sửa cụm từ "Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên" thành "Cung thanh niên Thành phố". Ngày 29/5/2018 UBND Thành phố đã có Quyết định số 2614/QĐ-UBND về việc thành lập Cung Thanh niên Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Nhà Văn hóa học sinh - sinh viên Hà Nội và Cung Văn hóa thể thao Thanh niên Hà Nội
	c. Đầu tư tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích quan trọng do Thành phố trực tiếp quản lý: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Di tích Bắc Hồ ở Vạn Phúc - Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thọ Nhục; cụm di tích Đền Bà Kiệu, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) do Thành phố quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.	c. Đầu tư tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích quan trọng do Thành phố trực tiếp quản lý: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Di tích Bắc Hồ ở Vạn Phúc - Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thọ Nhục; cụm di tích Đền Bà Kiệu, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) do Thành phố quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	d. Đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện đang quản lý và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) khi Thành phố giao cấp huyện quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.	Đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện đang quản lý và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) khi Thành phố giao cấp huyện quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	e. Hỗ trợ một phần để đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia do cấp huyện đang quản lý.		Bỏ nội dung "Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia do cấp huyện đang quản lý" do nội dung này không thuộc quy định về phân cấp và phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	g. Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các thiết chế văn hóa do Thành phố quản lý.	g. Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các thiết chế văn hóa do Thành phố quản lý.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
1.13.	Đầu tư công trình Giáo dục - Đào tạo	"Đầu tư công trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp."	
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các trường công lập gồm: trường đại học Thủ đô, các trường cao đẳng; trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, Trường đào tạo cán bộ; các trường trung cấp chuyên nghiệp; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trường, cơ sở thực hành sư phạm.	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập gồm: các trường đại học, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, trường trung cấp thuộc thành phố Hà Nội; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; các trường tiểu học, mầm non trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; trường, lớp dành cho người khuyết tật (Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu; Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn; Trường Tiểu học Bình Minh)."	Điều chỉnh để phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
1.14.	Đầu tư công trình y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm	1.14. Đầu tư công trình y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm	
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các Bệnh viện (bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố và tuyến huyện), Trung tâm chuyên khoa, Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Y tế Dự phòng.	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các: Bệnh viện (bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố và tuyến huyện), Trung tâm chuyên khoa, đơn vị sự nghiệp (Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Y tế Dự phòng).	Điều chỉnh từ ngữ, không thay đổi phân cấp
1.15.	Đầu tư công trình lĩnh vực Quản lý nhà nước	1.15. Đầu tư công trình lĩnh vực Quản lý nhà nước	
	a. Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, khu liên cơ quan thuộc Thành phố quản lý; trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp Thành phố;	a. Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, khu liên cơ quan thuộc Thành phố quản lý; trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp Thành phố;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	b. Đầu tư xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính cấp huyện và xây mới trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.	b. Đầu tư xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính cấp huyện và xây mới trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.	
1.16.	Đầu tư công trình phục vụ tang lễ	"Đầu tư công trình nghĩa trang và cơ sở hỏa táng."	

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	a. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Các nghĩa trang cấp Thành phố, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, gồm: Mai Dịch, Nhãn, Ngọc Hồi, Văn Điển, Yên Kỳ, Thanh Tước, Sài Đồng, Vĩnh Hàng (phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý); nghĩa trang liệt sỹ người Trung Quốc tại Xuân Mai-Chương Mỹ; các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng: Các nghĩa trang cấp Thành phố, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, gồm: Mai Dịch, Nhãn, Ngọc Hồi, Văn Điển, Yên Kỳ, Thanh Tước, Sài Đồng, Vĩnh Hàng (phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý), nghĩa trang liệt sỹ người Trung Quốc tại Xuân Mai-Chương Mỹ; các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.	Sửa đổi tên lĩnh vực để phù hợp với các quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 về xây dựng, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 về hợp nhất Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 và phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	b. Đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng, các nhà tang lễ cấp Thành phố.	- Cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố; nhà tang lễ cấp Thành phố.	
	1.17. Đầu tư các dự án Tái nguyên - Môi trường	1.17. Đầu tư các dự án Tái nguyên - Môi trường	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	a. Đầu tư công trình, dự án quan trắc cảnh báo môi trường.	a. Đầu tư công trình, dự án quan trắc cảnh báo môi trường.	
	b. Đầu tư công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi 2 xã trở lên.	b. Đầu tư công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi 2 xã trở lên.	
	c. Đầu tư các dự án đo vẽ bản đồ, chỉnh lý bản đồ.	c. Đầu tư các dự án đo vẽ bản đồ, chỉnh lý bản đồ.	
	1.18. Đầu tư các công trình kho tàng: các công trình thuộc hệ thống kho tàng; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Thành phố.	1.18. Đầu tư các công trình kho tàng: các công trình thuộc hệ thống kho tàng; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Thành phố.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.19. Đầu tư công trình lĩnh vực thông tin và truyền thông: các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình thành phố.	- Đầu tư công trình lĩnh vực thông tin và truyền thông: các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình thành phố. - Bổ sung thêm nội dung: "Đầu tư hệ thống thông tin nguồn cấp Thành phố theo quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông."	Phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	1.20. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và công nghệ thông tin.	1.20. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và công nghệ thông tin.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	a. Đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ: Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ, Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ phẩm, chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trạm trại thực nghiệm của thành phố quản lý.	a. Đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ: Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ, Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ phẩm, chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trạm trại thực nghiệm của thành phố quản lý.	
	b. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã).	b. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã).	
	1.21. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận (không bao gồm hạ tầng đất xem kết, nhỏ lẻ có diện tích nhỏ hơn 5000m2 nhưng không tiếp giáp đường, phố).	1.21. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức thực hiện đầu giá	Để tạo chủ động cho các quận trong việc triển khai quy trình đầu giá đất, để xuất chuyển nhượng vụ này và các quận thực hiện (các huyện, thị xã Sơn Tây được phân cấp thực hiện nhiệm vụ này tại Nghị quyết 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016). Thành phố chỉ đầu tư hạ tầng các khu đất do các đơn vị thuộc thành phố thực hiện
	1.22. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực xã hội	1.22. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực xã hội	
	Các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe, cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.	Các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe, cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.23. Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt	1.23. Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt	
	- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại: các quận, thị xã Sơn Tây; các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố.	- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại: các quận, thị xã Sơn Tây; các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phân cấp KTXH không có sự thay đổi
	- Hỗ trợ theo chính sách đầu tư nước sạch nông thôn khi triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn tại các huyện, thị xã Sơn Tây.	- Hỗ trợ theo chính sách đầu tư nước sạch nông thôn khi triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn tại các huyện, thị xã Sơn Tây.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND do phân cấp KTXH không có sự thay đổi
		1.24. Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp và quy định	Bổ sung nhiệm vụ thực hiện theo Khoản 1, Điều 9, Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, từ 01/01/2019 công tác quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện
		1.25. Đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm theo phân cấp và quy định	Theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội, việc đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm (Thành phố quản lý) thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố.
	1.24. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố theo quy định của pháp luật(2).	1.26. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố theo quy định của pháp luật(2).	
	2. Chi thường xuyên		
	2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do cấp Thành phố quản lý:	2.1. "Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do cấp Thành phố quản lý".	Điều chỉnh để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	- Giáo dục trung học phổ thông công lập; trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục; trường mầm non (do Thành phố quản lý); trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do Thành phố quản lý;	- Giáo dục trung học phổ thông công lập; trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục; trường mầm non (do Thành phố quản lý); trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do Thành phố quản lý;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của Thành phố;	- Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của Thành phố;	
	2.2. Các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ do cấp Thành phố quản lý;	2.2. Các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ do cấp Thành phố quản lý;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học cấp Thành phố; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ khác;	- Nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học cấp Thành phố; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ khác;	
	- Quản lý, duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố	- Quản lý, duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố	
	2.3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội cấp thành phố.	2.3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội cấp thành phố.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.4. Các hoạt động sự nghiệp y tế do cấp Thành phố quản lý gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;	2.4. Các hoạt động sự nghiệp y tế do cấp Thành phố quản lý gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.5. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp Thành phố quản lý;	2.5. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp Thành phố quản lý;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác (các hoạt động của Trung tâm văn hóa; Nhà văn hóa; Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên; Cung thiếu nhi Hà Nội...);	- Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác (các hoạt động của Trung tâm văn hóa; Nhà văn hóa; Cung thanh niên Thành phố; Cung thiếu nhi Hà Nội...);	Sửa cụm từ "Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên" thành "Cung thanh niên Thành phố". Ngày 29/5/2018 UBND Thành phố đã có Quyết định số 2614/QĐ-UBND về việc thành lập Cung Thanh niên Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Nhà Văn hóa học sinh - sinh viên Hà Nội và Cung Văn hóa thể thao Thanh niên Hà Nội
		Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng các di tích quan trọng mà thành phố trực tiếp đầu tư (trừ di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến cấp huyện quản lý)	Bổ sung làm rõ nhiệm vụ (tại Nghị quyết 13/2016/NQ-HĐND chưa quy định cụ thể) và phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	- Các hoạt động thông tin của Thành phố quản lý và các sự nghiệp văn hóa khác.	- Các hoạt động thông tin của Thành phố quản lý và các sự nghiệp văn hóa khác.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.6. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình do cấp Thành phố quản lý.	2.6. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình do cấp Thành phố quản lý.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.7. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp Thành phố quản lý gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp Thành phố, hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao và hoạt động thể thao quần chúng của Thành phố;	2.7. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp Thành phố quản lý gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp Thành phố, hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao và hoạt động thể thao quần chúng của Thành phố;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.8. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm:	2.8. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm:	
	- Quét hút, rửa đường, hê; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý.	"Quét hút, rửa đường, hê; thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý trừ việc thu trị vệ sinh tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long."	Để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	- Quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung; các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.	- Quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung; các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13	- Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Cập nhật theo Luật Bảo vệ môi trường mới
	2.9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý	2.9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Sự nghiệp giao thông vận tải: quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông) hệ thống đường bộ theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố. Quản lý tổ chức giao thông trên địa bàn Thành phố;	- Sự nghiệp giao thông vận tải: quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông) hệ thống đường bộ; đường thủy nội địa; đường sắt đô thị theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố và các quy định hiện hành. Quản lý tổ chức giao thông trên địa bàn Thành phố;	Điều chỉnh, bổ sung thêm nhiệm vụ quản lý đường sắt đô thị cho phù hợp với thực tế
	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: Quản lý, duy tu, bảo trì các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp Thành phố quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo phân cấp của Thành phố;	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: Quản lý, duy tu, bảo trì các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp Thành phố quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo phân cấp của Thành phố;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố;	- Công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Sự nghiệp thi chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước, hồ, công viên, cây xanh, thảm cỏ và các sự nghiệp thi chính khác theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố;	- Sự nghiệp thi chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước, hồ, công viên, cây xanh, thảm cỏ và các sự nghiệp thi chính khác theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Quản lý, vận hành, duy trì, bảo trì các hệ thống xử lý nước thải do Thành phố đầu tư.	- Quản lý, vận hành, duy trì, bảo trì các hệ thống xử lý nước thải do Thành phố đầu tư.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Công tác quy hoạch; đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp;	- Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp;	Thực hiện theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, từ 01/01/2019 công tác quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện, ngoài trừ chi phí đánh giá quy hoạch và quy hoạch chuyên ngành được sử dụng kinh phí chi thường xuyên

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	- Các sự nghiệp kinh tế khác.	- Các sự nghiệp kinh tế khác.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.10. Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và Thành phố cho các đối tượng thuộc cấp Thành phố quản lý.	2.10. Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và Thành phố cho các đối tượng thuộc cấp Thành phố quản lý.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.11. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam do Thành phố quản lý, bao gồm:	2.11. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam do Thành phố quản lý, bao gồm:	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Hoạt động của Văn phòng Thành ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy;	- Hoạt động của Văn phòng Thành ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Hoạt động của HĐND Thành phố;	- Hoạt động của HĐND Thành phố;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động của các Sở, Ban, Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc Thành phố.	- Hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động của các Sở, Ban, Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc Thành phố.	Sửa cụm từ "Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố" thành "Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố" theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND Thành phố về việc thành lập Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội
	2.12. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố; Hội Cựu chiến binh Thành phố; Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố; Hội Nông dân Thành phố.	2.12. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố; Hội Cựu chiến binh Thành phố; Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố; Hội Nông dân Thành phố.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.13. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp Thành phố theo quy định của pháp luật.	2.13. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp Thành phố theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.14. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp Thành phố quản lý. Hoạt động các cơ sở xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;	2.14. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp Thành phố quản lý. Hoạt động các cơ sở xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.15. Chỉ thường xuyên các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương thực hiện.	2.15. Chỉ thường xuyên các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương thực hiện.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.16. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	2.16. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.	
	3. Chi trả nợ lãi các khoản do Thành phố vay.	3. Chi trả nợ lãi các khoản do Thành phố vay.	
	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của Thành phố	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của Thành phố	
	5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau,	5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau,	
	6. Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã.	6. Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã.	
	7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2013.	7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2013.	
II	II. Nhiệm vụ chi cấp quận, huyện, thị xã		
	1.1. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các tuyến đường (kể cả công trình trên đất) từ cấp IV trở xuống và các tuyến đường chưa phân cấp trên địa bàn.	1.1. Đầu tư các công trình thủy lợi còn lại trên địa bàn Thành phố (trừ các công trình Thành phố đầu tư), công trình thủy lợi nội đồng (không bao gồm công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng).	Điều chỉnh phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	1.2. Đầu tư lĩnh vực Lâm nghiệp: Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên địa bàn theo chính sách hiện hành của nhà nước.	1.2. Đầu tư lĩnh vực Lâm nghiệp: Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên địa bàn theo chính sách hiện hành của nhà nước.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.3. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước	1.3. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	Đầu tư xây dựng mới công viên (gồm cả hồ nước trong công viên), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố đầu tư.	Đầu tư xây dựng mới công viên (gồm cả hồ nước trong công viên), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố đầu tư	
	Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, trên hệ thống đường do cấp huyện đầu tư.	Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, trên hệ thống đường do cấp huyện đầu tư.	
	1.4. Đầu tư lĩnh vực giao thông	1.4. Đầu tư lĩnh vực giao thông	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố đầu tư	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố đầu tư	
	1.5. Đầu tư bãi đỗ xe: Đầu tư hạ tầng bãi đỗ xe tập trung để phục vụ công cộng còn lại trên địa bàn, trừ những bãi đỗ xe tập trung do Thành phố đầu tư.	1.5. Đầu tư bãi đỗ xe: Đầu tư hạ tầng bãi đỗ xe tập trung để phục vụ công cộng còn lại trên địa bàn, trừ những bãi đỗ xe tập trung do Thành phố đầu tư.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.6. Đầu tư công trình, dự án chiếu sáng công cộng	1.6. Đầu tư công trình, dự án chiếu sáng công cộng	
	Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư.	Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp huyện quản lý sau đầu tư.	Đầu tư xây dựng bổ sung, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp huyện quản lý sau đầu tư.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
		Đề xuất bổ sung thêm nội dung: "Đầu tư lắp đặt mới, cải tạo, nâng cấp chiếu sáng ngõ, xóm; cải tạo hệ thống chiếu sáng tại các khu vực Thành phố quản lý trong trường hợp chính trang cải tạo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ".	Phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	1.7. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường	1.7. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	a. Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện.	a. Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện.	
	b. Đầu tư các công trình, dự án khác phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi nội huyện.	b. Đầu tư các công trình, dự án khác phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi nội huyện.	
	1.8. Đầu tư công trình thoát nước	1.8. Đầu tư công trình thoát nước	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do cấp huyện đầu tư; và hệ thống thoát nước còn lại, trừ hệ thống thoát nước do Thành phố đầu tư.	"Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do cấp huyện đầu tư; hệ thống thoát nước ngõ, xóm; hệ thống thoát nước còn lại (bao gồm hệ thống thoát nước ao, hồ do cấp huyện đầu tư) trừ hệ thống thoát nước do Thành phố đầu tư."	Phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	1.9. Đầu tư lĩnh vực Văn hóa - Thể thao:	1.9. Đầu tư lĩnh vực Văn hóa - Thể thao:	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	a. Đầu tư các nhà văn hóa, các trung tâm văn hóa thể thao, nhà thi đấu thể thao, nhà văn hóa thanh - thiếu nhi cấp huyện; nhà văn hóa xã, phường; nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, khu dân cư, khu vui chơi cộng đồng.	a) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố, khu vui chơi cộng đồng.	Phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	b. Đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn lại trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp đầu tư.	b) Đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn lại trên địa bàn (trừ các di tích Thành phố trực tiếp đầu tư và các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện quản lý được Thành phố đầu tư.)	
	1.10. Đầu tư lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo	1.10. Đầu tư công trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.	
	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các trường công lập gồm: trường trung học cơ sở (trừ các trường do cấp Thành phố quản lý); trường chuyên biệt cấp huyện; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non (trừ các trường, cơ sở thực hành sư phạm do Thành phố quản lý); trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện, thị xã; các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề cấp huyện có tên gọi khác.	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập thuộc thành phố gồm: trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; trường tiểu học; trường mầm non (trừ các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo); trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ sở giáo dục, đào tạo cấp huyện có tên gọi khác; trung tâm học tập cộng đồng.	Phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	1.11. Đầu tư lĩnh vực y tế:	1.11. Đầu tư lĩnh vực y tế:	
	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn); trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình cấp quận, huyện, thị xã.	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn)	Điều chỉnh bổ sung từ "Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình cấp quận, huyện, thị xã" theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND Thành phố về việc tổ chức lại Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã thuộc Sở Y tế.
	1.12. Đầu tư lĩnh vực Quản lý nhà nước:	1.12. Đầu tư lĩnh vực Quản lý nhà nước:	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	a. Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.	a. Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.	
	b. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp xã; trụ sở hoặc nơi làm việc của công an và quân sự xã.	b. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp xã; trụ sở hoặc nơi làm việc của quân sự cấp xã; hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của công an xã theo quy định.	Điều chỉnh nhiệm vụ chi đầu tư trụ sở công an xã (Ngày 31/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2021/NĐ-CP quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy, trong đó ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của công an xã)
	1.13. Đầu tư công trình phục vụ tang lễ: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang, nhà tang lễ còn lại ngoài các nghĩa trang, nhà tang lễ Thành phố đầu tư trên địa bàn (gồm các nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, đài liệt sỹ cấp huyện và xã).	1.13. Đầu tư công trình phục vụ tang lễ: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang, nhà tang lễ còn lại ngoài các nghĩa trang, nhà tang lễ Thành phố đầu tư trên địa bàn (gồm các nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, đài liệt sỹ cấp huyện và xã).	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.14. Đầu tư lĩnh vực Thông tin và truyền thông: Các công trình, dự án phục vụ hoạt động phát thanh, truyền thanh cấp huyện, xã.	1.14. Đầu tư lĩnh vực Thông tin và truyền thông: Các công trình, dự án phục vụ hoạt động phát thanh, truyền thanh cấp huyện, xã.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.15. Đầu tư các công trình ứng dụng khoa học công nghệ.	1.15. Đầu tư các công trình ứng dụng khoa học công nghệ.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	1.16. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện, thị xã; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận đối với đất nhỏ lẻ, xen kẹt có diện tích dưới 5000 m2 không tiếp giáp với đường phố;	1.16. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận, huyện, thị xã do quận, huyện, thị xã thực hiện	Bổ sung nhiệm vụ cho các quận, bộ việc phân chia theo quy mô đất để phù hợp với phân cấp nguồn thu
		1.17. Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp và quy định	Bổ sung nhiệm vụ thực hiện theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, từ 01/01/2019 công tác quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện
		1.18. Đầu tư xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối theo phân cấp và quy định	Theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội, việc đầu tư xây dựng chợ đầu mối, chợ đầu mối (cấp huyện quản lý) thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.
	1.17. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật(3).	1.19. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật(3).	
	2. Chi thường xuyên	2. Chi thường xuyên	
	2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do quận, huyện, thị xã quản lý:	2.1. "Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do quận, huyện, thị xã quản lý".	Điều chỉnh tên lĩnh vực để phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp.
	- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác;	- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Dạy nghề, đào tạo nghề; bồi dưỡng kiến thức chính trị do Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện mở và các hình thức bồi dưỡng, đào tạo khác;	- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Dạy nghề, đào tạo nghề; bồi dưỡng kiến thức chính trị do Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện mở và các hình thức bồi dưỡng, đào tạo khác;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.2. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của cấp quận, huyện.	2.2. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của cấp quận, huyện.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.3. Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do quận, huyện, thị xã quản lý.	2.3. Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do quận, huyện, thị xã quản lý.	

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	- Duy tu sửa chữa Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn); trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình cấp quận, huyện, thị xã.	- Duy tu sửa chữa Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn)	Điều chỉnh bộ cụm từ "Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình cấp quận, huyện, thị xã" theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 của UBND Thành phố về việc tổ chức lại Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã thuộc Sở Y tế.
	- Các hoạt động về công tác y tế (vệ sinh phòng bệnh dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm), dân số và kế hoạch hóa gia đình;	- Các hoạt động về công tác y tế (vệ sinh phòng bệnh dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm), dân số và kế hoạch hóa gia đình;	
	2.4. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do quận, huyện, thị xã quản lý:	2.4. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do quận, huyện, thị xã quản lý:	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Nhà văn hóa, các cơ sở văn hóa và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý;	- Nhà văn hóa, các cơ sở văn hóa và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý;	
	- Quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo trì các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng còn lại trên địa bàn trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý sau đầu tư;	- Quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo trì các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng còn lại trên địa bàn trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý sau đầu tư;	
	- Các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác của quận, huyện, thị xã;	- Các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác của quận, huyện, thị xã;	
	2.5. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh của quận, huyện, thị xã;	2.5. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh của quận, huyện, thị xã;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.6. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp quận, huyện trong thời gian tập trung thi đấu; hoạt động của các trung tâm thể dục, thể thao do quận, huyện, thị xã quản lý;	2.6. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp quận, huyện trong thời gian tập trung thi đấu; hoạt động của các trung tâm thể dục, thể thao do quận, huyện, thị xã quản lý;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.7. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường quận, huyện, thị xã quản lý theo phân cấp của Thành phố, bao gồm:	2.7. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường quận, huyện, thị xã quản lý theo phân cấp của Thành phố, bao gồm:	
	- Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trong toàn bộ phạm vi địa giới hành chính (trừ các đường cao tốc).	- Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trong toàn bộ phạm vi địa giới hành chính, bao gồm các tuyến đường gom dọc đường cao tốc (trừ trên đường cao tốc).	
	- Quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện do cấp huyện đầu tư.	- Quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện do cấp huyện đầu tư.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Chỉ hỗ trợ ảnh hưởng môi trường cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung theo quy định của Thành phố.	- Chỉ hỗ trợ ảnh hưởng môi trường cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung theo quy định của Thành phố.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Sự nghiệp môi trường tại khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13	- Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Cập nhật theo Luật Bảo vệ môi trường mới
		Bổ sung nội dung: "Duy trì vệ sinh môi trường tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long trên địa bàn."	Để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	2.8. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận, huyện, thị xã quản lý	2.8. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận, huyện, thị xã quản lý	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Sự nghiệp giao thông: Quản lý, duy trì, bảo trì và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, hệ đường và các công trình giao thông do quận, huyện quản lý theo phân cấp quản lý sau đầu tư;	- Sự nghiệp giao thông: Quản lý, duy trì, bảo trì và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, hệ đường và các công trình giao thông do quận, huyện quản lý theo phân cấp quản lý sau đầu tư;	
	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do quận, huyện quản lý; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phục vụ phát triển mô hình nông thôn mới; chỉ bảo vệ, phòng chống cháy rừng; phòng chống lụt bão và các nhiệm vụ khác về nông-lâm-ngư nghiệp theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố;	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do quận, huyện quản lý; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phục vụ phát triển mô hình nông thôn mới; chỉ bảo vệ, phòng chống cháy rừng; phòng chống lụt bão và các nhiệm vụ khác về nông-lâm-ngư nghiệp theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố;	
	- Sự nghiệp thị chính:	- Sự nghiệp thị chính:	
	+ Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ), vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn, trừ các công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ Thành phố quản lý sau đầu tư	+ Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ), vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn, trừ các công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ Thành phố quản lý sau đầu tư	
	+ Các huyện và thị xã Sơn Tây: quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống thoát nước, các hồ điều hòa và hệ thống chiếu sáng công cộng còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư (bao gồm cả cấp điện).	+ Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa hệ thống thoát nước, các hồ điều hòa và hệ thống chiếu sáng công cộng còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư (bao gồm cả cấp điện).	Bổ sung nhiệm vụ cho các quận để phù hợp với phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố.
	- Công tác quy hoạch; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính theo phân cấp;	- Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp;	Thực hiện theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, từ 01/01/2019 công tác quy hoạch được bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện, ngoại trừ chi phí đánh giá quy hoạch và quy hoạch chuyên ngành được sử dụng kinh phí chi thường xuyên
	- Các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp quản lý. Hoạt động quản lý hệ thống các chợ, các trung tâm thương mại do cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp;	- Các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp quản lý. Hoạt động quản lý hệ thống các chợ, các trung tâm thương mại do cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp;	
	- Các sự nghiệp kinh tế khác;	- Các sự nghiệp kinh tế khác;	
	2.9. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quận, huyện, thị xã quản lý:	2.9. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quận, huyện, thị xã quản lý:	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	- Hoạt động của Văn phòng quận, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan khác trực thuộc quận, huyện ủy, thị ủy;	- Hoạt động của Văn phòng quận, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan khác trực thuộc quận, huyện ủy, thị ủy;	
	- Hoạt động của HĐND quận, huyện, thị xã;	- Hoạt động của HĐND quận, huyện, thị xã;	
	- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các phòng, ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện, thị xã quản lý;	- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các phòng, ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện, thị xã quản lý;	

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	2.10. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân cấp huyện;	2.10. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân cấp huyện;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.11. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp quận, huyện theo quy định của pháp luật;	2.11. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp quận, huyện theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.12. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận, huyện, thị xã quản lý; hoạt động các cơ sở xã hội do quận, huyện, thị xã quản lý; phòng chống các tệ nạn xã hội, hoạt động chăm sóc trẻ em và các hoạt động xã hội khác theo phân cấp;	2.12. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận, huyện, thị xã quản lý; hoạt động các cơ sở xã hội do quận, huyện, thị xã quản lý; phòng chống các tệ nạn xã hội, hoạt động chăm sóc trẻ em và các hoạt động xã hội khác theo phân cấp;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.13. Chỉ ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ	2.13. Chỉ ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2.14. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;	2.14. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
		2.15. Chi các nhiệm vụ thường xuyên do phường thực hiện như các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, thị trấn (trừ hoạt động của HĐND)	Bổ sung nhiệm vụ chi thường xuyên của phường cho cấp quận thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn;	3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn;	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các quận, thị xã và các phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị; trong đó bổ sung ngân sách cấp phường
	4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.	4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.	
		5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại điểm a và b Khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 theo quy định	Bổ sung theo quy định của Luật NSNN và Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội
		6. Chi ngân sách quận hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.	
	III. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn	III. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các quận, thị xã và các phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị; trong đó không tổ chức ngân sách cấp phường
	1. Chi đầu tư phát triển	1. Chi đầu tư phát triển	
	Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của quận, huyện, thị xã (nếu có) và trong phạm vi ngân sách của xã, phường, thị trấn, gồm:	Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của quận, huyện, thị xã (nếu có) và trong phạm vi ngân sách của xã, thị trấn, gồm:	Bổ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	1.1. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, phường, thị trấn.	1.1. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn tăng thu xã, thị trấn, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, thị trấn.	Bổ cụm từ đầu tư từ kết dư ngân sách do Luật Ngân sách quy định nguồn kết dư ngân sách là khoản tính tăng thu ngân sách
	1.2. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo phân cấp của cấp huyện từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất được cấp lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định của pháp luật mới.	1.2. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã, thị trấn theo phân cấp của cấp huyện từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất được cấp lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định của pháp luật mới.	Bổ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	1.3. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.	1.3. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.	Giữ nguyên so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND
	2. Chi thường xuyên		
	2.1. Chi cho công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Thành phố:	2.1. Chi cho công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Thành phố:	Bổ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	- Chi thực hiện các chính sách chế độ đối với lực lượng công an viên, công an xã, ban bảo vệ dân phố theo Pháp lệnh Công an xã và lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ.	- Chi thực hiện các chính sách chế độ đối với lực lượng công an viên, công an xã, ban bảo vệ dân phố theo Pháp lệnh Công an xã và lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ.	
	- Huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và bảo đảm hoạt động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động khác;	- Huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và bảo đảm hoạt động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động khác;	
	- Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và các hoạt động khác về đảm bảo an ninh trật tự.	- Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và các hoạt động khác về đảm bảo an ninh trật tự.	
	2.2. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; truyền thanh; thể dục thể thao: Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh, thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao; xây dựng đời sống văn hóa thôn, tổ dân phố và các sự nghiệp văn hóa khác.	2.2. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; truyền thanh; thể dục thể thao: Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh, thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao; xây dựng đời sống văn hóa thôn, tổ dân phố và các sự nghiệp văn hóa khác.	
	2.3. Các hoạt động về bảo vệ môi trường tại khoản 3 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13.	2.3. Các hoạt động về bảo vệ môi trường tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.	
	2.4. Chi sự nghiệp kinh tế theo phân cấp gồm:	2.4. Chi sự nghiệp kinh tế theo phân cấp gồm:	
	- Chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các nhiệm vụ khác về quản lý Nông - lâm - ngư nghiệp;	- Chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các nhiệm vụ khác về quản lý Nông - lâm - ngư nghiệp;	
	- Quản lý đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác phân cấp cho xã, phường, thị trấn.	- Quản lý đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác phân cấp cho xã, thị trấn.	Bổ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.	- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.	
	2.5. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, cơ quan quản lý Nhà nước ở xã, phường, thị trấn.	2.5. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, cơ quan quản lý Nhà nước ở xã, thị trấn.	

STT	Phân cấp tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND	Đề xuất trình HĐND Thành phố	Lý do
	- Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; - Hỗ trợ hoạt động các thôn, tổ dân phố.	- Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; - Hỗ trợ hoạt động các thôn, tổ dân phố.	Bộ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	2.6. Hoạt động của Đảng ủy xã, phường, thị trấn và hỗ trợ hoạt động các chi bộ trực thuộc.	2.6. Hoạt động của Đảng ủy xã, thị trấn và hỗ trợ hoạt động các chi bộ trực thuộc.	Bộ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	2.7. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc (kể cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban công tác Mặt trận) và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân;	2.7. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc (kể cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban công tác Mặt trận) và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân;	
	2.8. Hỗ trợ hoạt động các hội đặc thù theo quy định của Thành phố và các tổ chức xã hội khác của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật	2.8. Hỗ trợ hoạt động các hội đặc thù theo quy định của Thành phố và các tổ chức xã hội khác của xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.	Bộ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	2.9. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động hòa giải ở cấp xã.	2.9. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động hòa giải ở xã, thị trấn.	sửa từ "cấp xã" thành "xã, thị trấn" do đã bỏ cấp ngân sách phường
	2.10. Chi công tác đảm bảo xã hội:	2.10. Chi công tác đảm bảo xã hội:	
	- Chi về công tác xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm và các hoạt động xã hội khác do xã, phường, thị trấn quản lý;	- Chi về công tác xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm và các hoạt động xã hội khác do xã, phường, thị trấn quản lý;	Bộ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị
	- Thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; trợ cấp xã hội cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do xã, thị trấn quản lý (không thuộc đối tượng chính sách, hưởng trợ cấp thường xuyên do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã cấp).	- Thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; trợ cấp xã hội cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do xã, thị trấn quản lý (không thuộc đối tượng chính sách, hưởng trợ cấp thường xuyên do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã cấp).	
	- Công tác xã hội khác như: Công tác tìm kiếm cứu nạn, trợ cấp cứu đói, hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn...	- Công tác xã hội khác như: Công tác tìm kiếm cứu nạn, trợ cấp cứu đói, hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn...	
	2.10. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;	2.10. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;	
	3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách xã, phường, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.	3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách xã, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.	Bộ cấp phường do áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị

PHU LUC SỐ 02:

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Tờ trình số 310 /TTr-UBND ngày 01 /12/2021 của UBND Thành phố)

A. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ.

I. Nguồn thu của ngân sách cấp Thành phố gồm:

1. Các khoản thu ngân sách cấp Thành phố được hưởng 100%

1.1. Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) trừ thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.2. Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Thành phố.

1.3. Tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (phần ngân sách địa phương được hưởng), ghi thu tiền sử dụng đất đối ứng dự án BT và tiền sử dụng đất theo các cơ chế đặc thù¹.

1.4. Tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (phần ngân sách địa phương được hưởng). Tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá.

1.5. Tiền cho thuê đất, mặt nước nộp một lần²; tiền cho thuê đất, mặt nước nộp hàng năm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể tiền thuê đất, mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) trừ thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.6. Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

1.7. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

¹ Tiền sử dụng đất quận Hoàng Mai theo cơ chế tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND Thành phố; tiền sử dụng đất quận Long Biên theo cơ chế tại văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 28/4/2016 của Thường trực HĐND Thành phố và văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố; Tiền đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo cơ chế tại Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 13/7/2007, số 4350/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND Thành phố và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố..

² Ngân sách cấp Thành phố cấp lại một phần tiền thuê đất nộp một lần cho các quận, huyện, thị xã theo thực tế số phát sinh, khả năng cân đối của ngân sách Thành phố và tối đa bằng tỷ lệ phân chia tiền sử dụng đất giữa ngân sách Thành phố và ngân sách cấp huyện (đối với các quận, tối đa 35%; 05 huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức và Đan Phượng, tối đa 80%; các huyện, thị xã còn lại, tối đa 70%) để các quận, huyện, thị xã thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; hình thức NS Thành phố cấp về ngân sách quận, huyện, thị xã..

1.8. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND Thành phố làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

1.9. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của Thành phố.

1.10. Thu từ bán tài sản thuộc Thành phố quản lý.

1.11. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Thành phố theo quy định của pháp luật.

1.12. Phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản).

1.13. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định), do các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thu, nộp (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).

1.14. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do cơ quan Thành phố quyết định, nộp ngân sách.

1.15. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố xử lý.

1.16. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

1.17. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

1.18. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

1.19. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất do Thành phố quản lý.

1.20. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp Thành phố.

1.21. Thu kết dư ngân sách cấp Thành phố.

1.22. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.23. Các khoản thu chậm nộp.

- Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng).

- Tiền chậm nộp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

- Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (Đối tượng nộp do Trung ương, Thành phố quản lý)³.

2. Các khoản thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia, gồm:

2.1. Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xố số kiến thiết, từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xố số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí).

2.3. Thuế thu nhập cá nhân.

2.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xố số kiến thiết).

2.5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu).

2.6. Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá).

2.7. Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và tài sản khác.

2.8. Các khoản chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế⁴.

³ Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể: Tiền chậm nộp lệ phí môn bài; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất; Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ; Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường); Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

⁴ Các khoản chậm nộp các loại thuế:

- Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của từ hoạt động xố số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí);
- Thuế thu nhập cá nhân;
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xố số kiến thiết);
- Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu);

3. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp Thành phố.

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hoá, hoặc chỉ xã hội hoá được một phần thuộc Thành phố quản lý. Cụ thể gồm các lĩnh vực:

1.1. Đầu tư lĩnh vực thủy lợi

Thành phố đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi vừa trên địa bàn Thành phố (trừ công trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý); công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai xã, phường, thị trấn trở lên; công trình thủy lợi nhỏ (trạm bơm, cống, đập, đường ống, xi phông, tuynel, cầu máng dùng để dẫn, chuyển, điều tiết nước) gắn với công trình thủy lợi do Thành phố quản lý (không bao gồm công trình thủy lợi nhỏ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng).

1.2. Đầu tư lĩnh vực đê điều

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, mở rộng các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) từ cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.

1.3. Đầu tư lĩnh vực lâm nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

1.4. Đầu tư lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình, dự án phát triển cơ sở sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

1.5. Đầu tư các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công viên (bao gồm cả hồ nước trong công viên) và vườn hoa lớn, quan trọng của Thành phố.

Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, quảng trường, trên hệ thống đường do Thành phố đầu tư.

1.6. Đầu tư lĩnh vực giao thông

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường bộ (bao gồm: lòng đường, lề đường, hè, giải phân cách, cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các hạng mục công trình đường bộ khác): Đường cao tốc, đường quốc lộ do Trung ương bàn giao về Thành phố đầu tư, quản lý; Đường vành đai, đường trên cao; Đường tỉnh lộ; Đường theo quy hoạch là

đường huyện đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; Đường đô thị và đường theo quy hoạch là đường đô thị: quy chuẩn từ loại đường chính khu vực trở lên (theo QCVN 07-4:2016/BXD, có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 23 m trở lên theo quy hoạch) trên địa bàn các quận và 05 huyện có Đề án thành lập quận đến năm 2025 (gồm các huyện: Đông Anh, Đan Phượng, Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Trì); quy chuẩn từ loại đường khu vực trở lên (theo QCVN 07-4:2016/BXD, có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 16 m trở lên) đối với các huyện còn lại và thị xã Sơn Tây.

Đầu tư trạm thu phí, trạm kiểm tra trọng tải xe, hệ thống điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn trên hệ thống đường bộ thuộc thành phố quản lý.

Đầu tư hệ thống đường sắt đô thị

1.7. Đầu tư công trình bến xe ô tô, bãi đỗ xe, điểm đón trả khách, trạm dừng nghỉ (không gồm các dự án xã hội hóa), gồm:

Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa) và các bến xe phục vụ công cộng.

Đầu tư toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường thành phố quản lý.

Đầu tư các bãi đỗ xe công cộng cấp Thành phố quản lý theo quy hoạch.

1.8. Đầu tư công trình bãi, bến cảng thủy

Đầu tư toàn bộ các công trình hạ tầng đường thủy nội địa cấp Thành phố quản lý, cảng, bến hàng hoá, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trên sông Hồng, sông Đà, sông Đuống.

1.9. Đầu tư công trình chiếu sáng công cộng

Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do Thành phố đầu tư; xây dựng bổ sung hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý.

1.10. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đồng bộ các khu, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng tập trung trên địa bàn Thành phố, gồm: các khu liên hợp xử lý chất thải (Sóc Sơn; Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây); các khu xử lý chất thải, chất thải rắn xây dựng tập trung khác của Thành phố và các điểm trung chuyển rác thải theo quy hoạch.

1.11. Đầu tư công trình thoát nước

Đầu tư, xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hệ thống thoát nước gắn với các khu vực (không bao gồm thoát nước ngõ, xóm); các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố; hệ thống thoát nước liên khu vực (bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị) không gắn trực tiếp với đường theo danh mục do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Đầu tư hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố.

1.12. Đầu tư công trình Văn hoá - Thể thao

Đầu tư bảo tồn các công trình, dự án bảo tàng, điện ảnh, thư viện Thành phố quản lý.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa và nhà thi đấu thể thao cấp Thành phố; Cung thanh niên Thành phố; Cung thiếu nhi Hà Nội.

Đầu tư tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích quan trọng do Thành phố trực tiếp quản lý: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Di tích Bác Hồ ở Vạn Phúc - Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thợ Nhuộm; cụm di tích Đền Bà Kiệu, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) do Thành phố quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

Đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện đang quản lý và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) khi Thành phố giao cấp huyện quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các thiết chế văn hóa do Thành phố quản lý.

1.13. Đầu tư công trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập gồm: các trường đại học, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, trường trung cấp thuộc thành phố Hà Nội; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; các trường tiểu học, mầm non trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; trường, lớp dành cho người khuyết tật (Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu; Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn; Trường Tiểu học Bình Minh).

1.14. Đầu tư công trình y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các: Bệnh viện (bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố và tuyến huyện), Trung tâm chuyên khoa, đơn vị sự nghiệp (Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Y tế Dự phòng).

1.15. Đầu tư công trình lĩnh vực Quản lý nhà nước

Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, khu liên cơ quan thuộc Thành phố quản lý; trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp Thành phố.

Đầu tư xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính cấp huyện và xây mới trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.

1.16. Đầu tư công trình nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Các nghĩa trang cấp Thành phố, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, gồm: Mai Dịch, Nhôn, Ngọc Hồi, Văn Điển, Yên Kỳ, Thanh Tước, Sài Đồng, Vĩnh Hằng (phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý); nghĩa trang liệt sỹ người Trung Quốc tại Xuân Mai-Chương Mỹ; các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.

Đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng, các nhà tang lễ cấp Thành phố.

1.17. Đầu tư các dự án Tài nguyên - Môi trường

Đầu tư công trình, dự án quan trắc cảnh báo môi trường, khí tượng, thủy văn.

Đầu tư công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường có phạm vi 2 xã trở lên.

Đầu tư các dự án đo vẽ bản đồ, chỉnh lý bản đồ.

1.18. Đầu tư các công trình kho tàng: các công trình thuộc hệ thống kho tàng; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Thành phố.

1.19. Đầu tư công trình lĩnh vực thông tin và truyền thông: các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình thành phố. Đầu tư hệ thống thông tin nguồn cấp Thành phố theo quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

1.20. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và công nghệ thông tin.

Đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ: Trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ, Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ phẩm, chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trạm trại thực nghiệm của thành phố quản lý.

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã).

1.21. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức thực hiện đấu giá.

1.22. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực xã hội

Các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe, cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.

1.23. Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt

Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại: các quận, thị xã Sơn Tây; các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố.

Hỗ trợ theo chính sách đầu tư nước sạch nông thôn khi triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn tại các huyện, thị xã Sơn Tây.

1.24. Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp và quy định.

1.25. Đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm theo phân cấp và quy định.

1.26. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố theo quy định của pháp luật⁵).

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do cấp Thành phố quản lý:

Giáo dục trung học phổ thông công lập; trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục; trường mầm non (do Thành phố quản lý); trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do Thành phố quản lý.

Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của Thành phố.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ do cấp Thành phố quản lý:

Nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học cấp Thành phố; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ khác.

Quản lý, duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố

2.3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội cấp thành phố.

⁵ Quy định tại Khoản c, mục 1, Điều 38 Luật Ngân sách năm 2015.

2.4. Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp Thành phố quản lý gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh; các hoạt động dân số, gia đình và hoạt động y tế khác.

2.5. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp Thành phố quản lý:

Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác (các hoạt động của Trung tâm văn hóa; Nhà văn hóa; Cung thanh niên Thành phố; Cung thiếu nhi Hà Nội...).

Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng các di tích quan trọng mà thành phố trực tiếp đầu tư (trừ di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến cấp huyện quản lý).

Các hoạt động thông tin của Thành phố quản lý và các sự nghiệp văn hóa khác.

2.6. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình do cấp Thành phố quản lý.

2.7. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp Thành phố quản lý gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp Thành phố, hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao và hoạt động thể thao quần chúng của Thành phố.

2.8. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm:

Quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý trừ việc duy trì vệ sinh tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long.

Quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải, nước thải tập trung; các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.

Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2.9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý

Sự nghiệp giao thông vận tải: quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông) hệ thống đường bộ; đường thủy nội địa; đường sắt đô thị theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố và các quy định hiện hành. Quản lý, tổ chức giao thông trên địa bàn Thành phố.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: Quản lý, duy tu, bảo trì các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp Thành phố quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; quản lý,

bảo vệ, phòng chống cháy rừng, duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo phân cấp của Thành phố.

Công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố.

Sự nghiệp thị chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước, hồ, công viên, cây xanh, thảm cỏ và các sự nghiệp thị chính khác theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố.

Quản lý, vận hành, duy trì, bảo trì các hệ thống xử lý nước thải do Thành phố đầu tư.

Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp.

Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.10. Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và Thành phố cho các đối tượng thuộc cấp Thành phố quản lý.

2.11. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam do Thành phố quản lý, bao gồm:

Hoạt động của Văn phòng Thành ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy.

Hoạt động của HDND Thành phố.

Hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động của các Sở, Ban, Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc Thành phố.

2.12. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố; Hội Cựu chiến binh Thành phố; Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố; Hội Nông dân Thành phố.

2.13. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp Thành phố theo quy định của pháp luật.

2.14. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp Thành phố quản lý. Hoạt động các cơ sở xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

2.15. Chi thường xuyên các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương thực hiện.

2.16. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do Thành phố vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của Thành phố.

5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

6. Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2013.

B. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ.

I- Nguồn thu của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã gồm:

1. Các khoản thu ngân sách cấp quận, huyện, thị xã được hưởng 100%:

1.1. Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.2. Thuế tài nguyên từ các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).

1.3. Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; Lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường.

1.4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ các doanh nghiệp, tổ chức, nông trường, trạm trại và các hộ sản xuất tại địa bàn phường.

1.5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu trên địa bàn phường.

1.6. Tiền cho thuê đất, mặt nước nộp hàng năm (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) và tiền cho thuê đất, mặt nước hàng năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.7. Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn phường.

1.8. Thu từ bán tài sản thuộc cấp huyện và phường quản lý.

1.9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận, huyện, thị xã và phường theo quy định của pháp luật.

1.10. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định) do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã và phường quản lý thu (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường).

1.11. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do cấp huyện và phường thực hiện quản lý.

1.12. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã và phường xử lý.

1.13. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác trên địa bàn phường.

1.14. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho quận, huyện, thị xã và phường.

1.15. Thu kết dư ngân sách cấp quận, huyện, thị xã.

1.16. Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện và phường quản lý.

1.17. Thu khác theo quy định của pháp luật.

1.18. Các khoản thu chậm nộp

Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài (trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng).

Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (Đối tượng nộp do cấp huyện và phường quản lý)⁶.

2. Các khoản thu phân chia ngân sách cấp quận, huyện, thị xã được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) gồm:

2.1. Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.4. Thuế thu nhập cá nhân.

⁶ Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể: Tiền chậm nộp lệ phí môn bài; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất; Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ; Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường); Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

2.5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) phát sinh trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.6. Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá).

2.7. Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác.

2.8. Các khoản chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế⁷.

3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên.

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.

II- Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã

1. Chi đầu tư phát triển

Ngân sách quận, huyện, thị xã Sơn Tây chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hoá thuộc lĩnh vực phân cấp cho quận, huyện, thị xã trên địa bàn. Cụ thể các lĩnh vực đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, bao gồm:

1.1. Đầu tư các công trình thủy lợi còn lại trên địa bàn Thành phố (trừ các công trình Thành phố đầu tư), công trình thủy lợi nội đồng (không bao gồm công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng).

1.2. Đầu tư lĩnh vực Lâm nghiệp: Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên địa bàn theo chính sách hiện hành của nhà nước.

1.3. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước.

Đầu tư xây dựng mới công viên (gồm cả hồ nước trong công viên), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố đầu tư.

⁷ Các khoản chậm nộp các loại thuế:

- Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

- Thuế thu nhập cá nhân;

- Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) phát sinh trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, trên hệ thống đường do cấp huyện đầu tư.

1.4. Đầu tư lĩnh vực giao thông

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố đầu tư.

1.5. Đầu tư bãi đỗ xe: Đầu tư hạ tầng bãi đỗ xe tập trung để phục vụ công cộng còn lại trên địa bàn, trừ những bãi đỗ xe tập trung do Thành phố đầu tư.

1.6. Đầu tư công trình, dự án chiếu sáng công cộng

Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư.

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

Đầu tư lắp đặt mới, cải tạo, nâng cấp chiếu sáng ngõ, xóm; cải tạo hệ thống chiếu sáng tại các khu vực Thành phố quản lý trong trường hợp chỉnh trang cải tạo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

1.7. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện.

Đầu tư các công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi nội huyện.

1.8. Đầu tư công trình thoát nước

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do cấp huyện đầu tư; hệ thống thoát nước ngõ, xóm; hệ thống thoát nước còn lại (bao gồm hệ thống thoát nước ao, hồ do cấp huyện đầu tư) trừ hệ thống thoát nước do Thành phố đầu tư.

1.9. Đầu tư lĩnh vực Văn hoá - Thể thao

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố, khu vui chơi cộng đồng.

Đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn lại trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp đầu tư và các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện quản lý được Thành phố đầu tư.

1.10. Đầu tư công trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập thuộc thành phố gồm: trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; trường tiểu học; trường mầm non (trừ các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào

tạo); trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ sở giáo dục, đào tạo cấp huyện có tên gọi khác; trung tâm học tập cộng đồng.

1.11. Đầu tư lĩnh vực y tế

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn).

1.12. Đầu tư lĩnh vực Quản lý nhà nước

Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp xã; trụ sở hoặc nơi làm việc của quân sự cấp xã; hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của công an xã theo quy định.

1.13. Đầu tư công trình phục vụ tang lễ: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang, nhà tang lễ còn lại ngoài các nghĩa trang, nhà tang lễ Thành phố đầu tư trên địa bàn (gồm các nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, đài liệt sỹ cấp huyện và xã).

1.14. Đầu tư lĩnh vực Thông tin và truyền thông: Các công trình, dự án phục vụ hoạt động phát thanh, truyền thanh cấp huyện, xã.

1.15. Đầu tư các công trình ứng dụng khoa học công nghệ.

1.16. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận, huyện, thị xã do quận, huyện, thị xã thực hiện.

1.17. Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp và quy định.

1.18. Đầu tư xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối theo phân cấp và quy định.

1.19. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do quận, huyện, thị xã quản lý:

Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Dạy nghề, đào tạo nghề; bồi dưỡng kiến thức chính trị do Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện mở và các hình thức bồi dưỡng, đào tạo khác.

⁸ Quy định tại Khoản c, mục 1, Điều 38 Luật Ngân Sách năm 2015.

2.2. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của cấp quận, huyện.

2.3. Các hoạt động sự nghiệp y tế do quận, huyện, thị xã quản lý:

Duy tu sửa chữa Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn).

Các hoạt động về công tác y tế (vệ sinh phòng bệnh dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm), các hoạt động y tế khác theo quy định.

2.4. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do quận, huyện, thị xã quản lý:

Nhà văn hóa, các cơ sở văn hóa và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý.

Quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo trì các di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng còn lại trên địa bàn trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý sau đầu tư.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác của quận, huyện, thị xã.

2.5. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh của quận, huyện, thị xã.

2.6. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp quận, huyện trong thời gian tập trung thi đấu; hoạt động của các trung tâm thể dục, thể thao do quận, huyện, thị xã quản lý.

2.7. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường quận, huyện, thị xã quản lý theo phân cấp của Thành phố, bao gồm:

Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trong toàn bộ phạm vi địa giới hành chính (trừ các đường cao tốc).

Quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện do cấp huyện đầu tư.

Chi hỗ trợ ảnh hưởng môi trường cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung theo quy định của Thành phố.

Duy trì vệ sinh môi trường tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long trên địa bàn.

Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2.8. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận, huyện, thị xã quản lý

Sự nghiệp giao thông: Quản lý, duy trì, bảo trì và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, hè đường và các công trình giao thông do quận, huyện quản lý theo phân cấp quản lý sau đầu tư.

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do quận, huyện quản lý; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phục vụ phát triển mô hình nông thôn mới; chi bảo vệ,

phòng chống cháy rừng; phòng chống lụt bão và các nhiệm vụ khác về nông - lâm - ngư nghiệp theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố.

Sự nghiệp thị chính :

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ), vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn, trừ các công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ Thành phố quản lý sau đầu tư.

- Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa hệ thống thoát nước, các hồ điều hòa, hệ thống chiếu sáng công cộng và cấp điện còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư (bao gồm cả cấp điện).

Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp.

Các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp quản lý. Hoạt động quản lý hệ thống các chợ, các trung tâm thương mại do cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp.

Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.9. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quận, huyện, thị xã quản lý:

Hoạt động của Văn phòng quận, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan khác trực thuộc quận, huyện ủy, thị ủy.

Hoạt động của HĐND quận, huyện, thị xã.

Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các phòng, ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện, thị xã quản lý.

2.10. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân cấp huyện.

2.11. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp quận, huyện theo quy định của pháp luật.

2.12. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận, huyện, thị xã quản lý; hoạt động các cơ sở xã hội do quận, huyện, thị xã quản lý; phòng chống các tệ nạn xã hội, hoạt động chăm sóc trẻ em và các hoạt động xã hội khác theo phân cấp.

2.13. Chi ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.

2.14. Chi các nhiệm vụ thường xuyên do phường thực hiện như các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, thị trấn (trừ hoạt động của HĐND).

2.15. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại điểm a và b Khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 theo quy định.

6. Chi ngân sách quận hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố⁹.

C. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN

I. Nguồn thu của ngân sách xã, thị trấn gồm:

1. Các khoản thu ngân sách xã, thị trấn được hưởng 100%:

- 1.1. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.
 - 1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các hộ sản xuất.
 - 1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
 - 1.4. Lệ phí trước bạ nhà đất.
 - 1.5. Thu bán tài sản nhà nước do xã, thị trấn quản lý.
 - 1.6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.
 - 1.7. Các khoản thu phí, lệ phí cho ngân sách xã, thị trấn (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường).
 - 1.8. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do xã, thị trấn thực hiện và quản lý.
 - 1.9. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do xã, thị trấn xử lý.
 - 1.10. Thu từ quỹ đất công, công ích và hoa lợi công sản do xã, thị trấn quản lý.
 - 1.11. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc xã, thị trấn quản lý.
 - 1.12. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho xã, thị trấn.
 - 1.13. Thu kết dư ngân sách.
 - 1.14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
 - 1.15. Các khoản thu chậm nộp
- Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do xã, thị trấn thực hiện, quản lý.

⁹Trình tự, thủ tục triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và các quy định hiện hành

Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (Đối tượng nộp do cấp xã, thị trấn quản lý)¹⁰

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

3. Thu chuyển nguồn từ ngân sách xã, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của quận, huyện, thị xã (nếu có) và trong phạm vi ngân sách của xã, thị trấn, gồm:

1.1. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn tăng thu ngân sách xã, thị trấn, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, thị trấn.

1.2. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã, thị trấn theo phân cấp của cấp huyện từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất được cấp lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định của pháp luật mới.

1.3. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi cho công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Thành phố:

Chi thực hiện các chính sách chế độ đối với lực lượng công an xã (nơi chưa bố trí công an chính quy) công an viên ở thôn, ban bảo vệ dân phố,... theo Pháp lệnh Công an xã và các quy định hiện hành; chi các chính sách chế độ đối với lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ.

Huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và bảo đảm hoạt động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động khác.

¹⁰ Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể: Tiền chậm nộp lệ phí môn bài; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất; Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ; Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường); Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và các hoạt động khác về đảm bảo an ninh trật tự.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; truyền thanh; thể dục thể thao: Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh, thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao; xây dựng đời sống văn hóa thôn, tổ dân phố và các sự nghiệp văn hóa khác.

2.3. Các hoạt động về bảo vệ môi trường tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2.4. Chi sự nghiệp kinh tế theo phân cấp gồm:

Chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các nhiệm vụ khác về quản lý Nông - lâm - ngư nghiệp.

Quản lý đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác phân cấp cho xã, thị trấn.

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.

2.5. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, cơ quan quản lý Nhà nước ở xã, thị trấn:

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

Hỗ trợ hoạt động các thôn, tổ dân phố.

2.6. Hoạt động của Đảng ủy xã, thị trấn và hỗ trợ hoạt động các chi bộ trực thuộc.

2.7. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc (kể cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban công tác Mặt trận) và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân.

2.8. Hỗ trợ hoạt động các hội đặc thù theo quy định của Thành phố và các tổ chức xã hội khác của xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

2.9. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động hòa giải ở cấp xã.

2.10. Chi công tác đảm bảo xã hội:

Chi về công tác xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm và các hoạt động xã hội khác do xã, thị trấn quản lý.

Thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; trợ cấp xã hội cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do xã, thị trấn quản lý (không thuộc đối tượng chính sách, hưởng trợ cấp

thường xuyên do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã cấp).

- Công tác xã hội khác như: Công tác tìm kiếm cứu nạn, trợ cấp cứu đói, hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn...

2.11. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách xã, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

PHỤ LỤC 03

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 310 /TTr-UBND ngày 01/12/2021 của UBND Thành phố)

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI NSĐP				
I	CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG 100%				
1	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
1.1	Thuế tài nguyên từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài				
	Thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng			100	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại		100		
1.2	Thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất			100	
2	Lệ phí môn bài				
2.1	Lệ phí môn bài thu từ DNNN; DN có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Thành phố.		100		
2.2	Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã,...)			100	
2.3	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh:				
	Thu trên địa bàn phường			100	
	Thu trên địa bàn xã, thị trấn				100
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, thị trấn				100
	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn phường			100	
	Thu từ các doanh nghiệp, tổ chức, nông trường, trạm, trại			100	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	Thu trên địa bàn phường			100	
	Thu trên địa bàn xã, thị trấn				100
5	Tiền sử dụng đất				

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
5.1	Tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ (phần ngân sách địa phương được hưởng), ghi thu tiền sử dụng đất đối ứng dự án BT và tiền sử dụng đất theo cơ chế đặc thù (1)		100		
5.2	Tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (phần ngân sách địa phương được hưởng)		100		
5.3	Tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá		100		
5.4	Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá)				
	Các quận		65	35	
	Thu trên địa bàn huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng		20	80	
	Các huyện, thị xã còn lại		30	70	
6	Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
6.1	Tiền cho thuê đất, mặt nước của DN có vốn đầu tư nước ngoài				
a	Thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng				
	- Tiền thuê đất, mặt nước nộp một lần.		100		
	- Tiền thuê đất, mặt nước nộp hàng năm			100	
b	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại		100		
6.2	Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)			100	
a	Tiền thuê đất, mặt nước nộp một lần		100		
b	Tiền thuê đất, mặt nước nộp hàng năm			100	
7	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		100		
8	Lệ phí trước bạ				
8.1	Lệ phí trước bạ nhà đất				
	Thu trên địa bàn phường			100	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	Thu trên địa bàn xã, thị trấn				100
8.2	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác				
	Quận Hoàn Kiếm		94	6	
	Quận Ba Đình		88	12	
	Quận Đống Đa		93	7	
	Quận Hai Bà Trưng		93	7	
	Quận Thanh Xuân		85	15	
	Quận Cầu Giấy		92	8	
	Quận Nam Từ Liêm		93	7	
	Quận Tây Hồ		75	25	
	Quận Long Biên		91	9	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại			100	
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán		100		
10	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu từ sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các DN do UBND Thành phố làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.		100		
11	Thu từ quỹ dự trữ tài chính của Thành phố		100		
12	Thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước				
	- Thành phố quản lý		100		
	- Cấp huyện quản lý			100	
	- Phường quản lý			100	
	- Xã, thị trấn quản lý				100
13	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Viện trợ cho phường			100	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	- Viện trợ cho xã, thị trấn				100
14	Phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản)		100		
15	Phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường)				
	- Do Thành phố quản lý thu		100		
	- Do Quận, huyện, thị xã trực thuộc quản lý thu			100	
	- Do Phường quản lý thu			100	
	- Do Xã, thị trấn quản lý thu				100
	(Riêng phí thắng cảnh giao UBND TP quyết định cụ thể, phù hợp để đầu tư, bảo vệ khu di tích và tổ chức lễ hội)				
16	Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định)				
	- Do cơ quan Trung ương thực hiện và quản lý	100			
	- Do cơ quan Thành phố thực hiện và quản lý		100		
	- Do cơ quan cấp huyện thực hiện và quản lý			100	
	- Do Phường thực hiện và quản lý			100	
	- Do cấp xã, thị trấn thực hiện và quản lý				100
17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật				
	- Do cơ quan Thành phố thực hiện		100		
	- Do cơ quan cấp huyện thực hiện			100	
	- Do phường thực hiện			100	
	- Do xã, thị trấn thực hiện				100
18	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;		100		
19	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật		100		
20	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
	Thu trên địa bàn phường			100	
	Thu trên địa bàn xã, thị trấn				100
21	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;		100		

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
22	Tiền đền bù thiệt hại đất				
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc thành phố quản lý.		100		
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện quản lý.			100	
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc phường quản lý.			100	
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc xã, thị trấn quản lý.				100
23	Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân.				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện; phường			100	
	- Xã, thị trấn				100
24	Thu kết dư ngân sách				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, thị trấn				100
25	Thu khác ngân sách địa phương				
	- Thu khác ngân sách cấp Thành phố		100		
	- Thu khác ngân sách cấp huyện			100	
	- Thu khác ngân sách xã, thị trấn				100
26	Các khoản thu chậm nộp				
26.1	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài				
	- Thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng			100	
	- Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại		100		
	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất			100	
26.2	Tiền chậm nộp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán		100		
26.3	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật		100		

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
26.4	Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (2)				
	Đối tượng nộp do Trung ương, Thành phố quản lý (Từ chương 001 đến chương 599)		100		
	Đối tượng nộp do cấp huyện quản lý (Từ chương 600 đến chương 799)			100	
	Đối tượng nộp do phường quản lý (Từ chương 800 đến chương 989)			100	
	Đối tượng nộp do xã, thị trấn quản lý (Từ chương 800 đến chương 989)				100
II	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VỚI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế)				
1	Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
1.1	Thu từ DNNN Trung ương				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
1.2	Thu từ DNNN Địa phương (không kể thuế GTGT từ hoạt động Xổ số kiến thiết)				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
1.3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
1.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	68	26	6	
	Quận Ba Đình	68	20	12	
	Quận Đống Đa	68	25	7	
	Quận Hai Bà Trưng	68	25	7	
	Quận Thanh Xuân	68	17	15	
	Quận Cầu Giấy	68	24	8	
	Quận Nam Từ Liêm	68	25	7	
	Quận Tây Hồ	68	7	25	
	Quận Hoàng Mai	68	8	24	
	Quận Long Biên	68	23	9	
	Quận Hà Đông	68	11	21	
	Quận Bắc Từ Liêm	68		32	
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Các huyện, thị xã còn lại	68		32	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế thu nhập từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí)				
2.1	Thu từ DNNN Trung ương				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
2.2	Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TNDN hoạt động Xổ số kiến thiết)				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
2.3	Thu từ DN Đầu tư nước ngoài				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
2.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	68	26	6	
	Quận Ba Đình	68	20	12	
	Quận Đống Đa	68	25	7	
	Quận Hai Bà Trưng	68	25	7	
	Quận Thanh Xuân	68	17	15	
	Quận Cầu Giấy	68	24	8	
	Quận Nam Từ Liêm	68	25	7	
	Quận Tây Hồ	68	7	25	
	Quận Hoàng Mai	68	8	24	
	Quận Long Biên	68	23	9	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	Quận Hà Đông	68	11	21	
	Quận Bắc Từ Liêm	68		32	
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Các huyện, thị xã còn lại	68		32	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể TTĐB hàng nhập khẩu)				
3.1	Thu từ DNNN Trung ương				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
3.2	Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TTĐB từ hoạt động XSKT)				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
3.3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
3.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	68	26	6	
	Quận Ba Đình	68	20	12	
	Quận Đống Đa	68	25	7	
	Quận Hai Bà Trưng	68	25	7	
	Quận Thanh Xuân	68	17	15	
	Quận Cầu Giấy	68	24	8	
	Quận Nam Từ Liêm	68	25	7	
	Quận Tây Hồ	68	7	25	
	Quận Hoàng Mai	68	8	24	
	Quận Long Biên	68	23	9	
	Quận Hà Đông	68	11	21	
	Quận Bắc Từ Liêm	68		32	
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Các huyện, thị xã còn lại	68		32	
4	Thuế thu nhập cá nhân				
4.1	Thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu qua KBNN Hà Nội				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
4.2	Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm Thuế TNCN thu qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu qua KBNN Hà Nội)				
	Quận Hoàn Kiếm	68	26	6	
	Quận Ba Đình	68	20	12	
	Quận Đống Đa	68	25	7	
	Quận Hai Bà Trưng	68	25	7	
	Quận Thanh Xuân	68	17	15	
	Quận Cầu Giấy	68	24	8	
	Quận Nam Từ Liêm	68	25	7	
	Quận Tây Hồ	68	7	25	
	Quận Hoàng Mai	68	8	24	
	Quận Long Biên	68	23	9	
	Quận Hà Đông	68	11	21	
	Quận Bắc Từ Liêm	68		32	
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Các huyện, thị xã còn lại	68		32	
5	Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu)				
	Huyện Đông Anh	68	3	29	
	Huyện Gia Lâm	68		32	
	Huyện Thanh Trì	68		32	
	Huyện Hoài Đức	68		32	
	Huyện Đan Phượng	68		32	
	Thu trên địa bàn các quận, huyện, thị xã còn lại	68	32		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã, thị trấn (%)
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, thị trấn				100
IV	Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, thị trấn				100

(1) Tiền sử dụng đất quận Hoàng Mai theo cơ chế tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND Thành phố; tiền sử dụng đất quận Long Biên theo cơ chế tại văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 28/4/2016 của Thường trực HĐND Thành phố và văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố; Tiền đầu giá đất tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo cơ chế tại Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 13/7/2007, số 4350/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND Thành phố và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố.

(2) Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể:

- Tiền chậm nộp lệ phí môn bài.
- Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ.
- Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước.
- Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản).
- Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).
- Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định).
- Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý.
- Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
- Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
- Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

PHỤ LỤC 04:

Báo cáo đánh giá tác động của cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022

1/ Mục tiêu ban hành chính sách

Nội dung phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hà Nội nhằm phân định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp ngân sách, vừa đảm bảo tính tập trung, thống nhất của ngân sách cấp trên, vừa tăng cường tính tích cực, chủ động sáng tạo cho ngân sách cấp dưới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và khai thác, sử dụng tối đa tiềm năng, lợi thế ở địa phương, tạo động lực cho các địa phương thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Điều chỉnh những bất cập của phân cấp trong thời gian vừa qua, đồng thời bổ sung các quy định mới để đáp ứng nhiệm vụ.

2/ Tác động của chính sách

- Chính sách đã đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành; Kế thừa kết quả đạt được từ việc thực hiện phân cấp ngân sách trong giai đoạn 2017-2021 quy định tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố: Số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; Số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 Quy định về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia một số khoản thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội; Số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị. Đồng thời, đã điều chỉnh các bất cập trong quá trình thực hiện, đảm bảo phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của các cấp chính quyền địa phương; đã đảm bảo sự chỉ đạo tập trung của cấp Thành phố, nâng mức tự chủ của các quận, huyện, thị xã.

- Tạo điều kiện nâng cao vai trò, trách nhiệm của các đơn vị cơ sở, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và xuyên suốt từ ngân sách cấp Thành phố đến quận huyện thị xã và xã phường thị trấn; quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn để các cấp chủ động và tự chịu trách nhiệm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính-ngân sách; đồng thời đảm bảo được sự giám sát của các cấp, các ngành theo quy định.

- Đã phân cấp tối đa cho quận, huyện, thị xã. Việc phân cấp phần lớn nguồn thu phát sinh trên địa bàn cho quận, huyện, thị xã đã góp phần nâng cao tính năng động của chính quyền cấp huyện, cấp xã trong việc quản lý, khai thác các nguồn thu trên địa bàn; chủ động trong việc sử dụng các khoản thu đáp ứng yêu cầu nhiệm

vụ chi của cơ sở; đảm bảo nguyên tắc khoản thu nào giao quận, huyện, thị xã quản lý thì cơ bản phân cho cấp đó hưởng tỷ lệ điều tiết tối đa theo Luật Ngân sách nhà nước quy định, để tăng cường nguồn lực cho ngân sách cấp huyện, cấp xã; trong đó phân chia tỷ lệ tối đa nguồn thu từ thuế, phí phát sinh trên địa bàn (phần ngân sách Thành phố được hưởng) cho 05 huyện có đề án xây dựng huyện thành quận để đảm bảo nguồn lực và khả năng tự cân đối thu chi ngân sách. Cụ thể:

+ Đối với thu đấu giá quyền sử dụng đất, giai đoạn trước chia theo quy mô đất (trên 5.000 m² và dưới 5000 m²) và loại hình tổ chức thực hiện (giao đất dự án, đất đấu giá, đất xen kẹt và tiền sử dụng đất khác), giai đoạn này không chia theo quy mô đất và áp dụng một tỷ lệ điều tiết chung cho các loại đất để đảm bảo tính ổn định cho ngân sách các cấp.

+ Đối với Tiền cho thuê đất, mặt nước thu 01 lần (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài): Giai đoạn trước phân cấp cho quận, huyện, thị xã, giai đoạn này phân cấp là khoản thu của ngân sách cấp thành phố để phù hợp với tính chất khoản thu và đảm bảo ổn định cân đối ngân sách của các quận, huyện, thị xã.

+ Chuyển khoản thu Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền hiện đang phân cấp ngân sách thành phố và ngân sách quận huyện hưởng thành khoản thu ngân sách quận huyện hưởng toàn bộ để tạo nguồn lực cho các quận, huyện, thị xã thực hiện các nhiệm vụ.

+ Đối với 5 huyện theo đề án lên quận: phân cấp thêm cho huyện hưởng đối với các khoản thu từ khu vực DNNN, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu thuế bảo vệ môi trường để tăng cường nguồn lực từng bước đảm bảo tiêu chí tự cân đối ngân sách.

- Phân cấp nhiệm vụ chi sẽ quy định rõ nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; quy định rõ trách nhiệm đầu tư giữa các cấp ngân sách cũng như trách nhiệm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp y tế, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, đảm bảo xã hội, an ninh quốc phòng và hoạt động quản lý nhà nước; đồng thời cũng đã quy định việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp.

- Theo phân cấp quản lý hạ tầng kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đã được HĐND Thành phố thông qua tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021, chỉ quy định phân cấp cho chính quyền địa phương cấp Thành phố và cấp huyện, không quy định cụ thể cho cấp xã. Tuy nhiên, phân cấp nhiệm vụ chi tại chính sách này tiếp tục phân cấp cụ thể nhiệm vụ chi cho cấp xã (không quy định nhiệm vụ chi của ngân sách phường do thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị); việc quy định này đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đúng quy định của pháp luật hiện hành và không trái với quy định phân cấp quản lý hạ tầng kinh tế xã hội thành phố Hà Nội tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021,

giúp chính quyền cấp xã rõ nhiệm vụ được phân cấp chi để chủ động tổ chức thực hiện.

- Với quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội đã được nêu trong Tờ trình; số quận tự đảm bảo cân đối ngân sách đã được nâng lên từ 10 quận (trong giai đoạn 2017-2021) lên thành 14 quận, huyện.

3/ Về thời gian tác động của chính sách

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội được áp dụng từ năm 2022.

- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội được áp dụng trong năm 2022.

PHỤ LỤC 05
TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN THAM GIA CỦA SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ
 (Kèm theo Tờ trình số **316** /TTr-UBND ngày **01** /12/2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

ST T	Chỉ tiêu, lĩnh vực đề nghị	Đơn vị đề nghị	Nội dung đề nghị cụ thể	Ý kiến tiếp thu, giải trình
I	Đối với phân cấp nguồn thu và tỷ lệ % phân chia nguồn thu			
1	Tiền thuê đất, mặt nước trả tiền 01 lần (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)	Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Sóc Sơn, Tây Hồ, Thanh Oai	Quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, huyện Sóc Sơn đề xuất giữ nguyên tỷ lệ điều tiết NSQ hưởng 100% như hiện nay (Quận Hoàn Kiếm nêu do tiền thuê đất thu 01 lần và tiền sử dụng đất là 02 khoản có Nghị định hướng dẫn riêng, không có tính chất tương đồng). Quận Bắc Từ Liêm, Long Biên đề xuất tỷ lệ phân chia như khoản thu giao đất dự án. Huyện Thanh Oai đề xuất dự án dưới 100 tỷ huyện hưởng toàn bộ, trên 100 tỷ thì huyện được hưởng 100 tỷ	Khoản thu tiền thuê đất trả tiền 01 lần là khoản thu không ổn định và có giá trị lớn (thu 01 lần cho nhiều năm), khoản thu này được hòa chung vào nguồn thu để cân đối chung cho các nhiệm vụ đầu tư và thường xuyên, không quy định sử dụng riêng cho chi đầu tư như tiền sử dụng đất; là khoản thu không có tính ổn định hằng năm, nếu tính cân đối cho quận, huyện sẽ ảnh hưởng đến cân đối của ngân sách cấp huyện. Do đó, phân cấp thành phố hưởng toàn bộ là phù hợp, đảm bảo tính ổn định của các cấp ngân sách. Ngoài ra Dự thảo cũng đã quy định, ngân sách Thành phố xem xét cấp lại cho các quận, huyện tiền thuê đất nộp 1 lần trên thực tế phát sinh khoản thu, khả năng cân đối của ngân sách Thành phố để thực hiện nhiệm vụ đầu tư XDCB trên địa bàn.
		Quận Hà Đông	Quận Hà Đông hiện nay có nguồn thu từ tiền cho thuê đất thu tiền một lần đối với dự án Điểm công nghiệp Làng nghề Vạn Phúc. Tại thời điểm thu tiền (năm 2016), tỷ lệ điều tiết đối với nguồn thu này là NSQ 100%. Bên cạnh đó, tại Văn bản số 4891/UBND-TNMT ngày 16/7/2015 của UBND thành phố Hà Nội: chấp thuận về nguyên tắc để UBND quận Hà Đông tổ chức đấu giá quỹ đất tại dự án Điểm công nghiệp Làng nghề Vạn Phúc và sử dụng 100% tiền đấu giá vượt kế hoạch đấu giá đã được UBND Thành phố giao tại Kế hoạch 55/KH-UBND ngày 12/02/2015 trong phạm vi từ nguồn thu đấu giá của dự án Điểm công nghiệp Làng nghề Vạn Phúc để tạo nguồn vốn tạm ứng đầu tư dự án Khu dân cư mới phường Vạn Phúc. UBND quận đã dùng tiền thu được đối với dự án cho thuê đất trên để tạm ứng vốn cho chủ đầu tư thực hiện dự án. Hiện nay, dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện và chưa thu được tiền của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình để hoàn trả ngân sách. Đề xuất giữ nguyên tỷ lệ phân chia như hiện nay đối với tiền cho thuê đất, mặt nước là NSQ 100% hoặc đề xuất cho Hà Đông cơ chế riêng đối với nguồn thu từ dự án Điểm công nghiệp Làng nghề Vạn Phúc.	Đề nghị quận Hà Đông xử lý dứt điểm trong năm 2021
2	Tiền sử dụng đất			

ST T	Chỉ tiêu, lĩnh vực đề nghị	Đơn vị đề nghị	Nội dung đề nghị cụ thể	Ý kiến tiếp thu, giải trình
2.1	Tiền đầu giá quyền sử dụng đất	Tây Hồ, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Sơn Tây, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Ba Vì, Bắc Từ Liêm	Quận Bắc Từ Liêm đề nghị điều tiết NSTP-NSQ là 50%-50%; các đơn vị còn lại đề nghị phân cấp ngân sách quận, huyện hưởng 100% như hiện nay để có vốn đầu tư hạ tầng, đầu tư cho các xã nông thôn mới nâng cao	Giai đoạn 2017-2021 điều tiết toàn bộ nguồn thu này cho các huyện, thị xã để tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới; hiện nay các huyện cơ bản hoàn thành xây dựng nông thôn mới; ngoài ra theo tỷ lệ điều tiết hiện tại, với cơ cấu thu chủ yếu là tiền đầu giá quyền sử dụng đất thì toàn bộ tiền sử dụng đất đang được điều tiết về quận huyện (cơ cấu Thành phố - quận huyện khoảng 30-70). Mặt khác Thành phố đang cần tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chỉ trọng điểm của Thành phố (Đường sắt đô thị, đường vành đai,...). Do vậy việc quy định như dự thảo, chỉ 05 huyện có Đề án lên quận và các huyện chưa hoàn thành xây dựng nông thôn mới được hưởng 100% là phù hợp.
2.2	Thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội	Thường Tín	Ngân sách huyện hưởng 100%	Đây là khoản thu từ bán tài sản trên đất của các đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố, theo Nghị quyết 115/2020/NQ-QH14 về thí điểm cơ chế đặc thù cho thành phố Hà Nội, khoản thu này ngân sách Thành phố được hưởng 50%
2.3	Cơ chế đặc thù đầu giá đất	Cầu Giấy	Bổ sung nội dung tại mục (1) (trang 12 - Phụ lục số 03): "Tiền đầu giá đất tại Khu đô thị mới Cầu Giấy theo cơ chế tại Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 13/7/2007; Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND Thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố Hà Nội.	
2.4	Tiền giao đất dự án	Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoàng Mai, Hoài Đức, Mê Linh, Thanh Trì	Quận Hà Đông và Hoàng Mai đề nghị tỷ lệ điều tiết giữa NSTP và NSQ là 50%-50%; Huyện Đan Phượng, Hoài Đức đề nghị điều tiết Thành phố 30%, cho huyện 70%; huyện Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh, Thanh Trì đề nghị huyện hưởng 100%.	Hiện nay Thành phố đang cần tập trung nguồn lực để đầu tư các dự án chung của Thành phố, nhất là các công trình trọng điểm; theo tỷ lệ điều tiết hiện nay, nguồn thu tiền sử dụng đất của thành phố chỉ được khoảng 30% quận huyện 70%, do vậy việc tỷ lệ điều tiết về Thành phố ít nhất giữ bằng giai đoạn trước; dự thảo quy định cơ bản giữ nguyên theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND
3	Các sắc thuế khu vực công thương nghiệp NQD (GTGT, TNDN, TTĐB, TNCN)	Đống Đa, Gia Lâm, Hoàng Mai, Long Biên, Tây Hồ, Thanh Trì	Quận Đống Đa đề nghị tăng tỷ lệ quận hưởng từ 10% lên 11%; huyện Gia Lâm, quận Hoàng Mai, huyện Thanh Trì đề nghị phân cấp tối đa cho huyện được hưởng bằng tỷ lệ ngân sách trung ương điều tiết cho ngân sách Thành phố đối với các khoản thu phân chia với ngân sách Trung ương, bao gồm cả các khoản tiền chậm nộp. Quận Long Biên đề nghị giữ nguyên tỷ lệ tại Nghị quyết 13/2016/NQ-HĐND. Quận Tây Hồ đề nghị tăng từ 32% lên 35%	Tỷ lệ % phân chia nguồn thu được xác định trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của các quận, huyện; đã đảm bảo cân đối giữa thu (theo điều tiết) và chi theo định mức, chính sách, chế độ.

ST T	Chỉ tiêu, lĩnh vực đề nghị	Đơn vị đề nghị	Nội dung đề nghị cụ thể	Ý kiến tiếp thu, giải trình
4	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác	Gia Lâm, Hoàng Mai, Thanh Trì	Phân cấp cho huyện Gia Lâm, Thanh Trì được hưởng 100% (Theo quy định tại Điều 37, Luật NSNN năm 2015, khoản thu lệ phí trước bạ là khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%). Quận Hoàng Mai đề nghị tỷ lệ % tối đa bằng tỷ lệ Trung ương phân cấp cho Thành phố	Khoản thu ngày hiện nay dự kiến phân chia giữa NSTP và NSQH; tỷ lệ % phân chia nguồn thu được xác định trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của các đơn vị; đã đảm bảo cân đối giữa thu (theo điều tiết) và chi theo định mức, chính sách, chế độ.
II Đối với phân cấp nhiệm vụ chi				
1	Hạ tầng đầu giá QSD đất	Bắc Từ Liêm	Tuy nhiên tại nội dung phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách quận, huyện, thị xã, dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố có quy định “ <i>Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận do quận tổ chức đầu giá</i> ”, UBND Quận đề nghị dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định cụ thể hơn các dự án đầu giá do các quận tổ chức thực hiện và do các đơn vị Thành phố tổ chức thực hiện, do hiện nay chưa có quy định cụ thể nội dung này để các quận chủ động xây dựng HTKT khu đất đầu giá, và thực hiện các thủ tục quy trình đầu giá tránh trường hợp chi không đúng nhiệm vụ chi.	Đây là nội dung phân cấp nhiệm vụ chi, đối với các chính sách chi tiết, cụ thể sẽ được ban hành trong quá trình triển khai thực hiện
2	Các nhiệm vụ chi của UBND phường	Long Biên	Cần quy định rõ đối với các nội dung chi thường xuyên các phường thực hiện như các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, thị trấn là những nội dung chi nào và được cấp Quận giao dự toán trên cơ sở nào (Loại phường, số dân, số tổ dân phố,...) để đảm bảo kinh phí giao cho các phường được phân loại theo quy mô các phường trên địa bàn.	Dự thảo đã kèm theo quy định về nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn
		Long Biên	Đề nghị bổ sung tại mục II, khoản 2.9 (Trang 17): Hoạt động của cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quận, huyện thị xã quản lý: “Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các phòng, ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện thị xã quản lý”: Đề nghị bổ sung thêm Đảng ủy, UBND các phường.	Nhiệm vụ chi đối với phường đã quy định tại điểm 2.14. <i>Chi các nhiệm vụ thường xuyên do phường thực hiện như các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, thị trấn (trừ hoạt động của HĐND).</i>
3	Đầu tư công trình vệ sinh môi trường	Sở Tài nguyên & Môi trường	Sửa đổi một số từ ngữ, không làm thay đổi bản chất	Tiếp thu
4	Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên & Môi trường	Sửa đổi một số từ ngữ, không làm thay đổi bản chất	Tiếp thu

ST T	Chỉ tiêu, lĩnh vực đề nghị	Đơn vị đề nghị	Nội dung đề nghị cụ thể	Ý kiến tiếp thu, giải trình
5	Lĩnh vực văn hoá	Sở Văn hoá và Thể Thao	Bổ sung nội dung: Ngân sách Thành phố <i>đầu tư tu bổ, bảo tồn di tích quốc gia và hỗ trợ một phần để đầu tư tu bổ, bảo tồn các di tích xếp hạng Thành phố</i> đối với các huyện có nguồn thu ngân sách thấp. Điều chỉnh nội dung tại gạch đầu dòng thứ 2, điểm 2.5, mục 2, phần II như sau: <i>Sửa chữa, bảo dưỡng các di tích do thành phố quản lý; các di tích xếp hạng Quốc gia đặc biệt, di tích cách mạng kháng chiến; di tích xếp hạng Quốc gia, di tích xếp hạng Thành phố</i> đối với các huyện có nguồn thu ngân sách thấp.	Phân cấp quản lý quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố đã bỏ nội dung hỗ trợ kinh phí đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia do cấp huyện đang quản lý do nội dung này không thuộc quy định về phân cấp; do đó không tiếp thu nội dung này
III	Các đơn vị nhất trí dự thảo			
1	Sở Giao thông vận tải			
2	Sở Ngoại vụ			
3	Sở Nông nghiệp & PTNT			
4	Hội Liên hiệp phụ nữ Hà Nội			
5	Bộ Tư lệnh thủ đô			
6	Sở Y tế			
7	Báo Kinh tế đô thị			
8	Sở Quy hoạch Kiến trúc			
9	Sở Nội vụ			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách,
định mức phân bổ ngân sách của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 03

(Từ ngày đến ngày tháng 12 năm 2021)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của ủy ban thường vụ quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 30/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về
việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của NĐ163/2016/NĐ-CP
ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Ngân sách nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../11/2021 về phân cấp
nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; quy định tỷ lệ phần trăm phân chia
nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022 và Tờ trình số
.../TTr-UBND ngày .../11/2021 về định mức phân bổ chi ngân sách thành phố
Hà Nội năm 2022 của UBND Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và
Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu
HĐND Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về các nội dung sau:

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội (quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này).
2. Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2022 (quy định cụ thể tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

1. Quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị Quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.
2. Quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị Quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và được áp dụng cho năm 2022. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2023) định mức được xem xét, điều chỉnh hàng năm do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo quy định và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 3. Giao UBND Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện quy định tại Nghị quyết này.
2. Rà soát, điều chỉnh các quy định của Thành phố chưa phù hợp với Nghị quyết này.
3. Tập hợp các vấn đề phát sinh cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện, thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố xử lý và báo cáo với HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Giao Thường trực HĐND Thành phố; các Ban của HĐND Thành phố; các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết HĐND Thành phố.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI kỳ họp thứ 03 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQTP;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban của Thành ủy;
- VP HĐNDTP, VP UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn báo chí;
- Lưu: VP HĐNDTP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

PHU LỤC SỐ 01:
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN
SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của HĐND
Thành phố

A. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ.

I. Nguồn thu của ngân sách cấp Thành phố gồm:

1. Các khoản thu ngân sách cấp Thành phố được hưởng 100%

1.1. Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) trừ thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.2. Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Thành phố.

1.3. Tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (phần ngân sách địa phương được hưởng), ghi thu tiền sử dụng đất đối ứng dự án BT và tiền sử dụng đất theo các cơ chế đặc thù¹.

1.4. Tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (phần ngân sách địa phương được hưởng). Tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá.

1.5. Tiền cho thuê đất, mặt nước nộp một lần²; tiền cho thuê đất, mặt nước nộp hàng năm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể tiền thuê đất, mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) trừ thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.6. Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

1.7. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

¹ Tiền sử dụng đất quận Hoàng Mai theo cơ chế tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND Thành phố; tiền sử dụng đất quận Long Biên theo cơ chế tại văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 28/4/2016 của Thường trực HĐND Thành phố và văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố; Tiền đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo cơ chế tại Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 13/7/2007, số 4350/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND Thành phố và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố..

² Ngân sách cấp Thành phố cấp lại một phần tiền thuê đất nộp một lần cho các quận, huyện, thị xã theo thực tế số phát sinh, khả năng cân đối của ngân sách Thành phố và tối đa bằng tỷ lệ phân chia tiền sử dụng đất giữa ngân sách Thành phố và ngân sách cấp huyện (đối với các quận, tối đa 35%; 05 huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức và Đan Phượng, tối đa 80%; các huyện, thị xã còn lại, tối đa 70%) để các quận, huyện, thị xã thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; hình thức NS Thành phố cấp về ngân sách quận, huyện, thị xã..

1.8. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND Thành phố làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

1.9. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của Thành phố.

1.10. Thu từ bán tài sản thuộc Thành phố quản lý.

1.11. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Thành phố theo quy định của pháp luật.

1.12. Phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản).

1.13. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định), do các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thu, nộp (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).

1.14. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do cơ quan Thành phố quyết định, nộp ngân sách.

1.15. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố xử lý.

1.16. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

1.17. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

1.18. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

1.19. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất do Thành phố quản lý.

1.20. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp Thành phố.

1.21. Thu kết dư ngân sách cấp Thành phố.

1.22. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.23. Các khoản thu chậm nộp.

- Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng).

- Tiền chậm nộp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

- Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (Đối tượng nộp do Trung ương, Thành phố quản lý)³.

2. Các khoản thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia, gồm:

2.1. Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí).

2.3. Thuế thu nhập cá nhân.

2.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết).

2.5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu).

2.6. Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá).

2.7. Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và tài sản khác.

2.8. Các khoản chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế⁴.

³ Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể: Tiền chậm nộp lệ phí môn bài; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất; Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuế mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ; Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường); Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

⁴ Các khoản chậm nộp các loại thuế:

- Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí);
- Thuế thu nhập cá nhân;
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết);
- Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu);

3. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp Thành phố.

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hoá, hoặc chỉ xã hội hoá được một phần thuộc Thành phố quản lý. Cụ thể gồm các lĩnh vực:

1.1. Đầu tư lĩnh vực thủy lợi

Thành phố đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi vừa trên địa bàn Thành phố (trừ công trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý); công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai xã, phường, thị trấn trở lên; công trình thủy lợi nhỏ (trạm bơm, cống, đập, đường ống, xi phông, tuynel, cầu máng dùng để dẫn, chuyển, điều tiết nước) gắn với công trình thủy lợi do Thành phố quản lý (không bao gồm công trình thủy lợi nhỏ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng).

1.2. Đầu tư lĩnh vực đê điều

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, mở rộng các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) từ cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.

1.3. Đầu tư lĩnh vực lâm nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

1.4. Đầu tư lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình, dự án phát triển cơ sở sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

1.5. Đầu tư các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công viên (bao gồm cả hồ nước trong công viên) và vườn hoa lớn, quan trọng của Thành phố.

Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, quảng trường, trên hệ thống đường do Thành phố đầu tư.

1.6. Đầu tư lĩnh vực giao thông

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường bộ (bao gồm: lòng đường, lề đường, hè, giải phân cách, cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các hạng mục công trình đường bộ khác): Đường cao tốc, đường quốc lộ do Trung ương bàn giao về Thành phố đầu tư, quản lý; Đường vành đai, đường trên cao; Đường tỉnh lộ; Đường theo quy hoạch là

đường huyện đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; Đường đô thị và đường theo quy hoạch là đường đô thị: quy chuẩn từ loại đường chính khu vực trở lên (theo QCVN 07-4:2016/BXD, có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 23 m trở lên theo quy hoạch) trên địa bàn các quận và 05 huyện có Đề án thành lập quận đến năm 2025 (gồm các huyện: Đông Anh, Đan Phượng, Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Trì); quy chuẩn từ loại đường khu vực trở lên (theo QCVN 07-4:2016/BXD, có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 16 m trở lên) đối với các huyện còn lại và thị xã Sơn Tây.

Đầu tư trạm thu phí, trạm kiểm tra trọng tải xe, hệ thống điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn trên hệ thống đường bộ thuộc thành phố quản lý.

Đầu tư hệ thống đường sắt đô thị

1.7. Đầu tư công trình bến xe ô tô, bãi đỗ xe, điểm đón trả khách, trạm dừng nghỉ (không gồm các dự án xã hội hóa), gồm:

Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa) và các bến xe phục vụ công cộng.

Đầu tư toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường thành phố quản lý.

Đầu tư các bãi đỗ xe công cộng cấp Thành phố quản lý theo quy hoạch.

1.8. Đầu tư công trình bãi, bến cảng thủy

Đầu tư toàn bộ các công trình hạ tầng đường thủy nội địa cấp Thành phố quản lý, cảng, bến hàng hoá, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trên sông Hồng, sông Đà, sông Đuống.

1.9. Đầu tư công trình chiếu sáng công cộng

Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do Thành phố đầu tư; xây dựng bổ sung hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý.

1.10. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đồng bộ các khu, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng tập trung trên địa bàn Thành phố, gồm: các khu liên hợp xử lý chất thải (Sóc Sơn; Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây); các khu xử lý chất thải, chất thải rắn xây dựng tập trung khác của Thành phố và các điểm trung chuyển rác thải theo quy hoạch.

1.11. Đầu tư công trình thoát nước

Đầu tư, xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hệ thống thoát nước gắn với các khu vực (không bao gồm thoát nước ngõ, xóm); các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố; hệ thống thoát nước liên khu vực (bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị) không gắn trực tiếp với đường theo danh mục do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Đầu tư hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố.

1.12. Đầu tư công trình Văn hoá - Thể thao

Đầu tư bảo tồn các công trình, dự án bảo tàng, điện ảnh, thư viện Thành phố quản lý.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa và nhà thi đấu thể thao cấp Thành phố; Cung thanh niên Thành phố; Cung thiếu nhi Hà Nội.

Đầu tư tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích quan trọng do Thành phố trực tiếp quản lý: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Di tích Bác Hồ ở Vạn Phúc - Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thợ Nhuộm; cụm di tích Đền Bà Kiệu, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) do Thành phố quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

Đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện đang quản lý và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) khi Thành phố giao cấp huyện quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các thiết chế văn hóa do Thành phố quản lý.

1.13. Đầu tư công trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập gồm: các trường đại học, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, trường trung cấp thuộc thành phố Hà Nội; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; các trường tiểu học, mầm non trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; trường, lớp dành cho người khuyết tật (Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu; Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn; Trường Tiểu học Bình Minh).

1.14. Đầu tư công trình y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các: Bệnh viện (bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố và tuyến huyện), Trung tâm chuyên khoa, đơn vị sự nghiệp (Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Y tế Dự phòng).

1.15. Đầu tư công trình lĩnh vực Quản lý nhà nước

Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, khu liên cơ quan thuộc Thành phố quản lý; trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp Thành phố.

Đầu tư xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính cấp huyện và xây mới trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.

1.16. Đầu tư công trình nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Các nghĩa trang cấp Thành phố, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, gồm: Mai Dịch, Nhôn, Ngọc Hồi, Văn Điển, Yên Kỳ, Thanh Tước, Sài Đồng, Vĩnh Hằng (phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý); nghĩa trang liệt sỹ người Trung Quốc tại Xuân Mai-Chương Mỹ; các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.

Đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng, các nhà tang lễ cấp Thành phố.

1.17. Đầu tư các dự án Tài nguyên - Môi trường

Đầu tư công trình, dự án quan trắc cảnh báo môi trường, khí tượng, thủy văn.

Đầu tư công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường có phạm vi 2 xã trở lên.

Đầu tư các dự án đo vẽ bản đồ, chỉnh lý bản đồ.

1.18. Đầu tư các công trình kho tàng: các công trình thuộc hệ thống kho tàng; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Thành phố.

1.19. Đầu tư công trình lĩnh vực thông tin và truyền thông: các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình thành phố. Đầu tư hệ thống thông tin nguồn cấp Thành phố theo quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

1.20. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và công nghệ thông tin.

Đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ: Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu chuyên giao công nghệ và giám định công nghệ, Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ phẩm, chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trạm trại thực nghiệm của thành phố quản lý.

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã).

1.21. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức thực hiện đấu giá.

1.22. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực xã hội

Các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe, cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.

1.23. Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt

Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại: các quận, thị xã Sơn Tây; các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố.

Hỗ trợ theo chính sách đầu tư nước sạch nông thôn khi triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn tại các huyện, thị xã Sơn Tây.

1.24. Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp và quy định.

1.25. Đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm hội chợ triển lãm theo phân cấp và quy định.

1.26. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố theo quy định của pháp luật⁵.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do cấp Thành phố quản lý:

Giáo dục trung học phổ thông công lập; trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục; trường mầm non (do Thành phố quản lý); trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do Thành phố quản lý.

Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của Thành phố.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ do cấp Thành phố quản lý:

Nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học cấp Thành phố; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ khác.

Quản lý, duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố

2.3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội cấp thành phố.

⁵ Quy định tại Khoản c, mục 1, Điều 38 Luật Ngân sách năm 2015.

2.4. Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp Thành phố quản lý gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh; các hoạt động dân số, gia đình và hoạt động y tế khác.

2.5. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp Thành phố quản lý:

Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác (các hoạt động của Trung tâm văn hóa; Nhà văn hóa; Cung thanh niên Thành phố; Cung thiếu nhi Hà Nội...).

Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng các di tích quan trọng mà thành phố trực tiếp đầu tư (trừ di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến cấp huyện quản lý).

Các hoạt động thông tin của Thành phố quản lý và các sự nghiệp văn hóa khác.

2.6. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình do cấp Thành phố quản lý.

2.7. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp Thành phố quản lý gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp Thành phố, hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao và hoạt động thể thao quần chúng của Thành phố.

2.8. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm:

Quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý trừ việc duy trì vệ sinh tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long.

Quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải, nước thải tập trung; các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.

Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2.9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý

Sự nghiệp giao thông vận tải: quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông) hệ thống đường bộ; đường thủy nội địa; đường sắt đô thị theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố và các quy định hiện hành. Quản lý, tổ chức giao thông trên địa bàn Thành phố.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: Quản lý, duy trì, bảo trì các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp Thành phố quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; quản lý,

bảo vệ, phòng chống cháy rừng, duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo phân cấp của Thành phố.

Công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố.

Sự nghiệp thị chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước, hồ, công viên, cây xanh, thảm cỏ và các sự nghiệp thị chính khác theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố.

Quản lý, vận hành, duy trì, bảo trì các hệ thống xử lý nước thải do Thành phố đầu tư.

Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp.

Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.10. Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và Thành phố cho các đối tượng thuộc cấp Thành phố quản lý.

2.11. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam do Thành phố quản lý, bao gồm:

Hoạt động của Văn phòng Thành ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy.

Hoạt động của HĐND Thành phố.

Hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động của các Sở, Ban, Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc Thành phố.

2.12. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố; Hội Cựu chiến binh Thành phố; Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố; Hội Nông dân Thành phố.

2.13. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp Thành phố theo quy định của pháp luật.

2.14. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp Thành phố quản lý. Hoạt động các cơ sở xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

2.15. Chi thường xuyên các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương thực hiện.

2.16. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do Thành phố vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của Thành phố.

5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

6. Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2013.

B. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ.

I- Nguồn thu của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã gồm:

1. Các khoản thu ngân sách cấp quận, huyện, thị xã được hưởng 100%:

1.1. Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.2. Thuế tài nguyên từ các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).

1.3. Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; Lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường.

1.4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ các doanh nghiệp, tổ chức, nông trường, trạm trại và các hộ sản xuất tại địa bàn phường.

1.5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu trên địa bàn phường.

1.6. Tiền cho thuê đất, mặt nước nộp hàng năm (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) và tiền cho thuê đất, mặt nước hàng năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

1.7. Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn phường.

1.8. Thu từ bán tài sản thuộc cấp huyện và phường quản lý.

1.9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận, huyện, thị xã và phường theo quy định của pháp luật.

1.10. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định) do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã và phường quản lý thu (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường).

1.11. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do cấp huyện và phường thực hiện quản lý.

1.12. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã và phường xử lý.

1.13. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác trên địa bàn phường.

1.14. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho quận, huyện, thị xã và phường.

1.15. Thu kết dư ngân sách cấp quận, huyện, thị xã.

1.16. Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện và phường quản lý.

1.17. Thu khác theo quy định của pháp luật.

1.18. Các khoản thu chậm nộp

Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài (trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng).

Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (Đối tượng nộp do cấp huyện và phường quản lý)⁶.

2. Các khoản thu phân chia ngân sách cấp quận, huyện, thị xã được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) gồm:

2.1. Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.4. Thuế thu nhập cá nhân.

⁶ Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể: Tiền chậm nộp lệ phí môn bài; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất; Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ; Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường); Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); Tiền chậm nộp khoản thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu NN do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

2.5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) phát sinh trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

2.6. Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; tiền sử dụng đất thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiền đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá).

2.7. Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác.

2.8. Các khoản chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế⁷.

3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên.

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.

II- Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã

1. Chi đầu tư phát triển

Ngân sách quận, huyện, thị xã Sơn Tây chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hoá thuộc lĩnh vực phân cấp cho quận, huyện, thị xã trên địa bàn. Cụ thể các lĩnh vực đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, bao gồm:

1.1. Đầu tư các công trình thủy lợi còn lại trên địa bàn Thành phố (trừ các công trình Thành phố đầu tư), công trình thủy lợi nội đồng (không bao gồm công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng).

1.2. Đầu tư lĩnh vực Lâm nghiệp: Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên địa bàn theo chính sách hiện hành của nhà nước.

1.3. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước.

Đầu tư xây dựng mới công viên (gồm cả hồ nước trong công viên), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố đầu tư.

⁷ Các khoản chậm nộp các loại thuế:

- Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí) thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; từ Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

- Thuế thu nhập cá nhân;

- Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) phát sinh trên địa bàn huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng;

Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, trên hệ thống đường do cấp huyện đầu tư.

1.4. Đầu tư lĩnh vực giao thông

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố đầu tư.

1.5. Đầu tư bãi đỗ xe: Đầu tư hạ tầng bãi đỗ xe tập trung để phục vụ công cộng còn lại trên địa bàn, trừ những bãi đỗ xe tập trung do Thành phố đầu tư.

1.6. Đầu tư công trình, dự án chiếu sáng công cộng

Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư.

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

Đầu tư lắp đặt mới, cải tạo, nâng cấp chiếu sáng ngõ, xóm; cải tạo hệ thống chiếu sáng tại các khu vực Thành phố quản lý trong trường hợp chỉnh trang cải tạo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

1.7. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện.

Đầu tư các công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi nội huyện.

1.8. Đầu tư công trình thoát nước

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do cấp huyện đầu tư; hệ thống thoát nước ngõ, xóm; hệ thống thoát nước còn lại (bao gồm hệ thống thoát nước ao, hồ do cấp huyện đầu tư) trừ hệ thống thoát nước do Thành phố đầu tư.

1.9. Đầu tư lĩnh vực Văn hoá - Thể thao

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố, khu vui chơi cộng đồng.

Đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn lại trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp đầu tư và các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện quản lý được Thành phố đầu tư.

1.10. Đầu tư công trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường công lập thuộc thành phố gồm: trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; trường tiểu học; trường mầm non (trừ các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào

tạo); trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ sở giáo dục, đào tạo cấp huyện có tên gọi khác; trung tâm học tập cộng đồng.

1.11. Đầu tư lĩnh vực y tế

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn).

1.12. Đầu tư lĩnh vực Quản lý nhà nước

Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp xã; trụ sở hoặc nơi làm việc của quân sự cấp xã; hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của công an xã theo quy định.

1.13. Đầu tư công trình phục vụ tang lễ: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang, nhà tang lễ còn lại ngoài các nghĩa trang, nhà tang lễ Thành phố đầu tư trên địa bàn (gồm các nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, đài liệt sỹ cấp huyện và xã).

1.14. Đầu tư lĩnh vực Thông tin và truyền thông: Các công trình, dự án phục vụ hoạt động phát thanh, truyền thanh cấp huyện, xã.

1.15. Đầu tư các công trình ứng dụng khoa học công nghệ.

1.16. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận, huyện, thị xã do quận, huyện, thị xã thực hiện.

1.17. Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo phân cấp và quy định.

1.18. Đầu tư xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối theo phân cấp và quy định.

1.19. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp do quận, huyện, thị xã quản lý:

Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Dạy nghề, đào tạo nghề; bồi dưỡng kiến thức chính trị do Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện mở và các hình thức bồi dưỡng, đào tạo khác.

⁸ Quy định tại Khoản c, mục 1, Điều 38 Luật Ngân Sách năm 2015.

2.2. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của cấp quận, huyện.

2.3. Các hoạt động sự nghiệp y tế do quận, huyện, thị xã quản lý:

Duy tu sửa chữa Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn).

Các hoạt động về công tác y tế (vệ sinh phòng bệnh dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm), các hoạt động y tế khác theo quy định.

2.4. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do quận, huyện, thị xã quản lý:

Nhà văn hóa, các cơ sở văn hóa và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý.

Quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo trì các di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng còn lại trên địa bàn trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý sau đầu tư.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác của quận, huyện, thị xã.

2.5. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh của quận, huyện, thị xã.

2.6. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp quận, huyện trong thời gian tập trung thi đấu; hoạt động của các trung tâm thể dục, thể thao do quận, huyện, thị xã quản lý.

2.7. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường quận, huyện, thị xã quản lý theo phân cấp của Thành phố, bao gồm:

Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trong toàn bộ phạm vi địa giới hành chính (trừ các đường cao tốc).

Quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện do cấp huyện đầu tư.

Chi hỗ trợ ảnh hưởng môi trường cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung theo quy định của Thành phố.

Duy trì vệ sinh môi trường tuyến đường dẫn, cầu vượt ngang, tuyến đường gom hai bên Đại lộ Thăng Long trên địa bàn.

Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2.8. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận, huyện, thị xã quản lý

Sự nghiệp giao thông: Quản lý, duy trì, bảo trì và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, hè đường và các công trình giao thông do quận, huyện quản lý theo phân cấp quản lý sau đầu tư.

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do quận, huyện quản lý; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phục vụ phát triển mô hình nông thôn mới; chi bảo vệ,

phòng chống cháy rừng; phòng chống lụt bão và các nhiệm vụ khác về nông - lâm - ngư nghiệp theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố.

Sự nghiệp thị chính :

- Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ), vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn, trừ các công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ Thành phố quản lý sau đầu tư.

- Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa hệ thống thoát nước, các hồ điều hòa, hệ thống chiếu sáng công cộng và cấp điện còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư (bao gồm cả cấp điện).

Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp.

Các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp quản lý. Hoạt động quản lý hệ thống các chợ, các trung tâm thương mại do cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp.

Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.9. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quận, huyện, thị xã quản lý:

Hoạt động của Văn phòng quận, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan khác trực thuộc quận, huyện ủy, thị ủy.

Hoạt động của HĐND quận, huyện, thị xã.

Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các phòng, ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện, thị xã quản lý.

2.10. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân cấp huyện.

2.11. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp quận, huyện theo quy định của pháp luật.

2.12. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận, huyện, thị xã quản lý; hoạt động các cơ sở xã hội do quận, huyện, thị xã quản lý; phòng chống các tệ nạn xã hội, hoạt động chăm sóc trẻ em và các hoạt động xã hội khác theo phân cấp.

2.13. Chi ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.

2.14. Chi các nhiệm vụ thường xuyên do phường thực hiện như các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã, thị trấn (trừ hoạt động của HĐND).

2.15. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại điểm a và b Khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 theo quy định.

6. Chi ngân sách quận hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố⁹.

C. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN

I. Nguồn thu của ngân sách xã, thị trấn gồm:

1. Các khoản thu ngân sách xã, thị trấn được hưởng 100%:

1.1. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các hộ sản xuất.

1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

1.4. Lệ phí trước bạ nhà đất.

1.5. Thu bán tài sản nhà nước do xã, thị trấn quản lý.

1.6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

1.7. Các khoản thu phí, lệ phí cho ngân sách xã, thị trấn (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường).

1.8. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do xã, thị trấn thực hiện và quản lý.

1.9. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do xã, thị trấn xử lý.

1.10. Thu từ quỹ đất công, công ích và hoa lợi công sản do xã, thị trấn quản lý.

1.11. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc xã, thị trấn quản lý.

1.12. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho xã, thị trấn.

1.13. Thu kết dư ngân sách.

1.14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.15. Các khoản thu chậm nộp

Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do xã, thị trấn thực hiện, quản lý.

⁹Trình tự, thủ tục triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và các quy định hiện hành

Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế, các ngành khác quản lý (Đối tượng nộp do cấp xã, thị trấn quản lý)¹⁰

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

3. Thu chuyển nguồn từ ngân sách xã, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của quận, huyện, thị xã (nếu có) và trong phạm vi ngân sách của xã, thị trấn, gồm:

1.1. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn tăng thu ngân sách xã, thị trấn, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, thị trấn.

1.2. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã, thị trấn theo phân cấp của cấp huyện từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất được cấp lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định của pháp luật mới.

1.3. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi cho công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Thành phố:

Chi thực hiện các chính sách chế độ đối với lực lượng công an xã (nơi chưa bố trí công an chính quy) công an viên ở thôn, ban bảo vệ dân phố,... theo Pháp lệnh Công an xã và các quy định hiện hành; chi các chính sách chế độ đối với lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ.

Huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và bảo đảm hoạt động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động khác.

¹⁰ Bao gồm các khoản thu trong trường hợp có quy định về tiền chậm nộp, cụ thể: Tiền chậm nộp lệ phí môn bài; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền chậm nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền chậm nộp khoản thu tiền sử dụng đất; Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); Tiền chậm nộp khoản thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ; Tiền chậm nộp thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; Tiền chậm nộp đối với phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); Tiền chậm nộp phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường); Tiền chậm nộp các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); Tiền chậm nộp khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Tiền chậm nộp khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; Tiền chậm nộp các khoản thu khác ngân sách địa phương.

Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và các hoạt động khác về đảm bảo an ninh trật tự.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; truyền thanh; thể dục thể thao: Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh, thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao; xây dựng đời sống văn hóa thôn, tổ dân phố và các sự nghiệp văn hóa khác.

2.3. Các hoạt động về bảo vệ môi trường tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2.4. Chi sự nghiệp kinh tế theo phân cấp gồm:

Chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các nhiệm vụ khác về quản lý Nông - lâm - ngư nghiệp.

Quản lý đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác phân cấp cho xã, thị trấn.

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.

2.5. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, cơ quan quản lý Nhà nước ở xã, thị trấn:

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

Hỗ trợ hoạt động các thôn, tổ dân phố.

2.6. Hoạt động của Đảng ủy xã, thị trấn và hỗ trợ hoạt động các chi bộ trực thuộc.

2.7. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc (kể cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban công tác Mặt trận) và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân.

2.8. Hỗ trợ hoạt động các hội đặc thù theo quy định của Thành phố và các tổ chức xã hội khác của xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

2.9. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động hòa giải ở cấp xã.

2.10. Chi công tác đảm bảo xã hội:

Chi về công tác xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm và các hoạt động xã hội khác do xã, thị trấn quản lý.

Thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; trợ cấp xã hội cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do xã, thị trấn quản lý (không thuộc đối tượng chính sách, hưởng trợ cấp

thường xuyên do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã cấp).

- Công tác xã hội khác như: Công tác tìm kiếm cứu nạn, trợ cấp cứu đói, hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn...

2.11. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách xã, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

PHỤ LỤC SỐ 02

Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội

*(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày /12/2021
của HĐND Thành phố)*

A. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB PHÂN CẤP CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ:

I. Định mức đối với tiêu chí chính:

1. Tiêu chí dân số:

- Dân số đến 41.000 người được 10 điểm
- Trên 41.000 đến 82.000, cứ tăng thêm 8.200 người được thêm 2 điểm.
- Trên 82.000 người đến 164.000 người, cứ 8.200 người tăng thêm được thêm 1 điểm.
- Trên 164.000 người, từ 0 đến 164.000 người được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 8.200 người tăng thêm được thêm 0,5 điểm.

2. Tiêu chí dân tộc thiểu số: cứ 375 người được 0,5 điểm.

3. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: cứ 0,1% hộ nghèo được 0,1 điểm.

4. Thu nội địa:

- Số thu nội địa đến 1.175 tỷ đồng được 4 điểm.
- Trên 1.175 tỷ đến 9.400 tỷ đồng thêm 3 điểm.
- Trên 9.400 tỷ đồng đến 18.800 tỷ đồng thêm 2 điểm.
- Trên 18.800 tỷ đồng đến 23.500 tỷ đồng thêm 1 điểm.
- Trên 23.500 tỷ đồng thêm 0,5 điểm.

5. Tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên:

- Tỷ lệ điều tiết đến 5% điều tiết về ngân sách Thành phố được 3 điểm.
- Trên 5% đến 20% điều tiết về ngân sách Thành phố được tính thêm 2 điểm.
- Trên 20% đến 50% điều tiết về ngân sách Thành phố được tính thêm 1 điểm.
- Trên 50% thêm 0,5 điểm.

6. Diện tích đất tự nhiên:

- Diện tích đất tự nhiên đến 20 km² được 8 điểm.
- Trên 20 km² đến 50 km², từ 0 đến 20 km² được tính 8 điểm, còn lại cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 4 điểm.
- Trên 50 km² đến 100 km², từ 0 đến 50 km² được tính 20 điểm, còn lại cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 2 điểm.

- Trên 100 km², từ 0 đến 100 km² được tính 30 điểm, còn lại cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 0,5 điểm.

7. Tỷ lệ rừng của các địa phương:

- Tỷ lệ rừng đến 10% tính là 0,5 điểm.
- Từ trên 10% đến 50% được tính 1 điểm.
- Trên 50% trở lên được tính 2 điểm.

8. Số đơn vị hành chính: Mỗi xã được tính 0,5 điểm.

9. Số xã miền núi: Mỗi xã miền núi được tính 0,2 điểm.

II. Định mức đối với tiêu chí bổ sung:

1. Mật độ dân số trên địa bàn: 01 điểm/1000người/km².
2. Số trường công lập do cấp huyện quản lý chưa đạt chuẩn quốc gia: 0,1 điểm/trường.
3. Số di tích quản lý cần tu bổ: 0,05 điểm/di tích.
4. Hệ thống các công trình đê điều, thủy lợi do cấp huyện quản lý: 0,1 điểm/đơn vị tính.
5. Số Km đường giao thông do cấp huyện quản lý: 0,1 điểm/100km
6. Các huyện có Đề án phát triển lên quận: 01 điểm/huyện.

III. Cách tính điểm và phân bổ vốn đầu tư phân cấp cho các quận, huyện, thị xã:

Căn cứ vào các tiêu chí và mức điểm trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 30 quận, huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

1. Điểm của tiêu chí dân số:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: số dân và số người dân tộc thiểu số.

- Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của huyện thứ i là A_i
- Gọi số điểm của số dân huyện thứ i là h_i .
- Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i.$$

2. Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 03 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo; thu nội địa; tỷ lệ điều tiết về ngân sách Thành phố

- Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i
- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là n_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa huyện thứ i là o_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách Thành phố là p_i .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i + p_i$$

3. Điểm của tiêu chí diện tích:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: diện tích tự nhiên; tỷ lệ che phủ rừng

- Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i .
- Gọi số điểm diện tích tự nhiên là q_i .
- Gọi số điểm của tỷ lệ che phủ rừng là r_i .

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = q_i + r_i$$

4. Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: số đơn vị hành chính cấp xã của quận huyện; số đơn vị hành chính xã miền núi của quận huyện

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i là D_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i là s_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính xã miền núi của huyện thứ i là t_i .

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + t_i$$

5. Các tiêu chí phụ: Trên cơ sở số điểm của các tiêu chí phụ, cách tính toán tương tự các tiêu chí trên. Số điểm của tiêu chí phụ huyện thứ i sẽ là E_i

6. Sau khi tính đúng, đủ vốn phân cấp theo tổng số điểm đạt được này, hầu hết các quận sẽ có mức vốn phân cấp thấp hơn kế hoạch đã giao năm 2021 nên đề xuất cộng điểm thưởng cho các đơn vị có tỷ lệ điều tiết về Thành phố từ 50% trở lên. Số điểm thưởng huyện thứ i sẽ là F_i

7. Tổng số điểm của quận huyện thứ i :

Gọi tổng số điểm của quận huyện thứ i là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i + F_i$$

8. Tổng số điểm của 30 quận, huyện, thị xã là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{30} X_i$$

9. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm thu chuyên quyền sử dụng đất, đấu giá đất).

- Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

10. Tổng số vốn đầu tư phân cấp cho từng quận huyện được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư phân cấp cho quận huyện thứ i (không bao gồm thu chuyển quyền sử dụng đất, đấu giá đất), thì:

$$V_i = Z * X_i$$

B. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN

I. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố:

1. Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:

1.1. Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
I	Cơ quan hành chính		
1	Đơn vị dự toán cấp I		
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	69.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	68.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	67.000.000
2	Đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp I		
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	65.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	64.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	63.000.000
II	Các tổ chức chính trị - xã hội		
1	Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố	Đồng/biên chế /năm	81.000.000
2	Hội Cựu Chiến binh Thành phố	Đồng/biên chế /năm	81.000.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
3	Hội Nông dân Thành phố	Đồng/biên chế /năm	81.000.000
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM thành phố Hà Nội	Đồng/biên chế /năm	81.000.000
III	Các cơ quan điều hành chung		
1	Các cơ quan thuộc Thành ủy	Đồng/biên chế /năm	91.000.000
2	Văn phòng UBND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	91.000.000
3	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	91.000.000
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội	Đồng/biên chế /năm	91.000.000

Trong đó:

a. Định mức phân bổ chi khác đơn vị dự toán cấp I được áp dụng cho Văn phòng các sở, ban, ngành, đoàn thể (được cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hoặc được giao biên chế) thuộc Thành phố.

b. Định mức phân bổ chi khác cho đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp I: Là các cơ quan hành chính trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể của Thành phố.

c. Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

d. Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí cho các nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ hằng năm: chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra của ngành; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cải cách hành chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; thực hiện hoạt động sáng kiến cấp cơ sở; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trường bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ; kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đảng (bao gồm kinh phí hỗ trợ mua báo, tài liệu, tạp chí của Đảng), đoàn thể, hoạt động ban vì sự tiến bộ phụ nữ và kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên khác của bộ máy.

- Các khoản kinh phí mua sắm, thay thế trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, đơn vị theo định mức quy định tại Phụ lục II Quyết định số

50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa nhỏ, thường xuyên tài sản công.

e. Định mức phân bổ trên không bao gồm:

- Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chỉ tiêu biên chế được giao;

- Chi tiền lương, tiền công lao động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Kinh phí sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung của các cơ quan theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Các khoản chi: Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo phân cấp; thuê trụ sở; tổ chức đại hội, hội nghị ngành; hoạt động các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; sử dụng xe ô tô chức danh, xe ô tô chuyên dùng; mua ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa vừa và lớn trụ sở; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, thiết bị chuyên dùng; các khoản chi phục vụ hoạt động chung của Đảng bộ Thành phố, của HĐND; các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt, các nhiệm vụ chi đặc thù phát sinh không thường xuyên và các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm d nêu trên.

f. Các hội có tính chất đặc thù được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với đơn vị dự toán cấp I lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

g. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Định mức phân bổ dự toán chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung của các cơ quan đơn vị là 112.000.000 đồng/năm/người có tiêu chuẩn sử dụng ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác của các cơ quan theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

Định mức nêu trên bao gồm các khoản chi phí sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung bao gồm: lương lái xe; xăng xe; bảo hiểm; sửa chữa, bảo dưỡng; chi phí khác phục vụ công tác sử dụng phương tiện.

2. Định mức phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp:

2.1. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a. Lĩnh vực giáo dục (chưa trừ nguồn thu học phí):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
			Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
1	Học sinh trung học phổ thông hệ thường	Đồng/học sinh/năm	8.700.000	2.000.000
2	Học sinh trung học phổ thông hệ chuyên	Đồng/học sinh/năm	22.000.000	9.000.000
3	Học sinh mầm non	Đồng/học sinh/năm	Bảng định mức chi quy định tại cấp quận, huyện, thị xã	
4	Học sinh Tiểu học	Đồng/học sinh/năm		
5	Học sinh THCS	Đồng/học sinh/năm		
6	Học sinh khuyết tật	Đồng/học sinh/năm	22.000.000	6.200.000
7	Học sinh Dân tộc nội trú	Đồng/học sinh/năm	23.000.000	10.000.000

Trong đó:

- Định mức phân bổ nêu trên bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng và chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Định mức nêu trên chưa bao gồm chi mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị chuyên dùng và chi bảo dưỡng, sửa chữa lớn công trình theo quy định.

- Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để bố trí dự toán năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới. Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện dự toán phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ.

- Đối với các trường học nằm trên địa bàn các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa sông Hồng, định mức phân bổ được tính tăng thêm 10% so với định mức nêu trên.

b. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

- Đối với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: dự toán kinh phí được phân bổ trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Thành phố và các chế độ chi hiện hành.

2.2. Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình:

a. Đối với các bệnh viện hạng I, hạng II, hạng III: Các bệnh viện hạng I, II, III thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo quy định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

b. Đối với các bệnh viện đặc thù:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Bệnh viện tâm thần Hà Nội, Bệnh viện tâm thần Mỹ Đức, Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương		Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần và theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.
2	Bệnh viện 09		
	- Giường bệnh (bao gồm cả tiền ăn cho bệnh nhân theo quy định)	Đồng/giường bệnh/năm	51.000.000
	- Hoạt động bộ máy	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị dự toán cấp II khối cơ quan hành chính
3	Bệnh viện phục hồi chức năng		
	- Giường bệnh (bao gồm cả tiền ăn cho bệnh nhân theo quy định)	Đồng/giường bệnh/năm	51.000.000
	- Hoạt động bộ máy		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Trong đó:

Định mức phân bổ ngân sách theo tiêu chí giường bệnh của Bệnh viện 09 và Bệnh viện phục hồi chức năng: bao gồm các chi phí trực tiếp phục vụ việc khám, điều trị, chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng (không bao gồm tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp đặc thù).

c. Đối với Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội, các trung tâm y tế quận, huyện, thị xã và các trung tâm chuyên khoa: Dự toán chi ngân sách Nhà nước phân bổ cho các đơn vị thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo quy định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ

d. Đối với các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Phòng dịch	Đồng/người dân/năm	7.000
2	Các hoạt động sự nghiệp y tế	Đồng/người dân/năm	18.000
3	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Đồng/người dân/năm	9.000
4	Dân số, kế hoạch hóa gia đình	Đồng/người dân/năm	9.000

- Định mức tính theo dân số được áp dụng cho:

+ Chi phòng dịch: Chi cho các nhiệm vụ phòng chống dịch thường xuyên cấp thành phố hàng năm, không bao gồm chi phòng chống dịch đột xuất.

+ Chi hoạt động sự nghiệp y tế bao gồm: chi hoạt động nghiệp vụ thường xuyên, lập các dự án kêu gọi viện trợ, chi các chương trình y tế (phòng bệnh, khám và điều trị một số bệnh ngoại trú theo chỉ đạo của Bộ Y tế).

+ Chi công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình: Chi cho công tác xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hóa gia đình; quản lý về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số; kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm và các nhiệm vụ về tăng cường công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đối với cấp Thành phố theo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

- Định mức nêu trên không bao gồm chi mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị chuyên dùng và chi bảo dưỡng, sửa chữa vừa và lớn công trình, thiết bị công trình xây dựng.

2.3. Các sự nghiệp: văn hoá, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; phát thanh truyền hình; đảm bảo xã hội; kinh tế; môi trường và sự nghiệp khác:

Việc phân bổ dự toán chi hằng năm và trong thời kỳ ổn định của ngân sách Thành phố thực hiện trên cơ sở: nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố theo phân cấp; các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

Chi mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị chuyên dùng: Dự toán được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành, nhu cầu thực tế của đơn vị và khả năng cân đối ngân sách.

Chi bảo dưỡng, sửa chữa vừa và lớn công trình, thiết bị công trình xây dựng: Phân bổ theo quy định của pháp luật về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và khả năng cân đối của ngân sách.

2.4. Đối với chi hoạt động thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí theo hướng giảm dần hàng năm theo lộ trình nâng mức tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp I lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

3. Chi quốc phòng:

Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, phạm vi chi hỗ trợ của ngân sách Thành phố cho quốc phòng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ quốc phòng của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố xác định mức phân bổ hợp lý phù hợp, trình HĐND Thành phố quyết định.

4. Chi an ninh:

Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, phạm vi chi hỗ trợ của ngân sách Thành phố cho an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố xác định mức phân bổ hợp lý phù hợp, trình HĐND Thành phố quyết định.

5. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2023) các định mức nêu trên được xem xét, điều chỉnh hàng năm do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

III. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp quận, huyện, thị xã:

1. Định mức phân bổ ngân sách quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể:

1.1. Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
I	Cơ quan hành chính		
	Cơ quan hành chính thuộc quận, huyện, thị xã.	Đồng/biên chế/năm	65.000.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
II	UBND các phường		
	CBCC công tác tại các phường	Đồng/biên chế/năm	55.000.000
	Người hoạt động không chuyên trách	Đồng/người/năm	22.000.000
II	Các tổ chức chính trị - xã hội quận, huyện, thị xã		
1	Hội Liên hiệp phụ nữ	Đồng/biên chế/năm	75.000.000
2	Hội Cựu Chiến binh	Đồng/biên chế/năm	75.000.000
3	Hội Nông dân	Đồng/biên chế/năm	75.000.000
4	Đoàn Thanh niên cộng sản HCM	Đồng/biên chế/năm	75.000.000
III	Các cơ quan điều hành chung		
1	Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy	Đồng/biên chế/năm	85.000.000
2	Văn phòng UBND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế/năm	85.000.000
3	Văn phòng HĐND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế/năm	85.000.000
4	Ủy ban MTTQ quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế/năm	85.000.000

Trong đó:

a. Định mức phân bổ trên áp dụng cho khối các phòng, ban thuộc UBND quận, huyện, thị xã; cơ quan thuộc quận ủy, huyện ủy, thị ủy; Văn phòng HĐND, UBND quận, huyện, thị xã và 5 tổ chức chính trị - xã hội; được tính theo biên chế được giao.

b. Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

c. Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí cho các nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ hằng năm: chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra của ngành; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cải cách hành

chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; thực hiện hoạt động sáng kiến cấp cơ sở; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ; hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đảng (bao gồm kinh phí hỗ trợ mua báo, tạp chí của Đảng), đoàn thể và kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên khác của bộ máy.

- Kinh phí sử dụng và khoán xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Các khoản kinh phí mua sắm, thay thế trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, đơn vị theo định mức quy định; kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa nhỏ, thường xuyên tài sản công.

d. Định mức phân bổ trên không bao gồm:

- Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chỉ tiêu biên chế được giao;

- Chi tiền lương, tiền công lao động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các khoản chi: Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo phân cấp; thuê trụ sở; tổ chức đại hội, hội nghị ngành; hoạt động các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; sử dụng xe ô tô chuyên dùng; mua ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa vừa và lớn trụ sở; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, thiết bị chuyên dùng; các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt, các nhiệm vụ chi đặc thù phát sinh không thường xuyên và các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm c nêu trên.

- Trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc ở phường; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù ở phường.

e. Các hội có tính chất đặc thù được ngân sách cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, bao gồm chi khác theo định mức của cơ quan hành chính và quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo thực tế.

f. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Định mức phân bổ quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể khác:

- Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp; chi chế độ đặc thù công tác Đảng; chi trợ cấp cán bộ phường già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù được tính toán vào cân đối ngân sách của các quận, huyện, thị xã theo thực tế.

- Các khoản chi mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng lớn tài sản công và các khoản chi khác (*Chưa tính trong định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường*

xuyên của các cơ quan) của các quận, huyện, thị xã được tính vào cân đối ngân sách theo tỷ lệ phần trăm của số chi tại điểm 1.2.1 mục III phần B cụ thể: Mức 15% đối với các quận, thị xã (do bao gồm cả nhiệm vụ quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể của các phường¹) và mức 05% đối với các huyện.

2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ ngân sách (chưa trừ nguồn thu học phí)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức Khu vực đô thị		Định mức Khu vực còn lại	
			Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)	Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
I	Giáo dục (*)					
1	Học sinh Mầm non	Đồng/học sinh/năm	9.500.000	2.000.000	10.500.000	2.000.000
2	Học sinh Tiểu học	Đồng/học sinh/năm	5.800.000	1.500.000	6.500.000	1.500.000
3	Học sinh THCS	Đồng/học sinh/năm	7.800.000	1.900.000	8.500.000	1.900.000
4	Học sinh khuyết tật	Đồng/học sinh/năm	22.000.000	6.200.000	22.000.000	6.200.000
5	Giáo dục thường xuyên (bao gồm học viên xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, học viên chương trình GDTX cấp THCS, cấp THPT)	Đồng/học sinh/năm	4.500.000		4.500.000	
6	Giáo dục nghề phổ thông (cho học sinh THCS và THPT)	Đồng/học sinh/năm	900.000		900.000	
7	Chi giáo dục chung và mua sắm, sửa chữa lớn		5% chi sự nghiệp giáo dục từ mục 1 đến 6 nêu trên			
II	Đào tạo, dạy nghề (**)		32.000 đồng/người dân trên 18 tuổi/năm (**)		27.000 đồng/người dân trên 18 tuổi/năm (**)	

(*) Đối với các trường có tổng chi khác lớn (vượt quá 02 lần chi khác tối thiểu tính theo số học sinh), HĐND các quận, huyện, thị xã xem xét, quyết định cụ thể về dự toán chi của trường theo nhiệm vụ được giao nhưng không thấp hơn 02 lần chi khác tối thiểu tính theo số học sinh. Đối với học sinh tại các trường trên

¹ Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chi thực hiện các nghiệp vụ của Đảng ủy phường; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại phường; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận phường;... và chi các khoản khác.

địa bàn các xã bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tính tăng thêm 10% so với định mức phân bổ nêu trên.

(**) Chưa bao gồm kinh phí miễn giảm học phí đối với học viên học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học ngoài công lập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (kinh phí này sẽ được tính toán và bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện, thị xã).

3. Sự nghiệp y tế

TT	Nội dung	Định mức	
		Khu vực đô thị	Khu vực còn lại
-	Chi phòng bệnh, các hoạt động sự nghiệp y tế; phòng chống HIV/AIDS, vệ sinh an toàn thực phẩm.	8.000 đồng/người dân/năm	6.000 đồng/người dân/năm

4. Sự nghiệp văn hoá, thể thao

STT	Nội dung	Định mức	
		Khu vực đô thị	Khu vực còn lại
1	Hoạt động sự nghiệp văn hoá	21.000 đồng/người dân/năm	15.000 đồng/người dân/năm
2	Hoạt động sự nghiệp thể thao	13.000 đồng/người dân/năm	12.000 đồng/người dân/năm

Định mức phân bổ ngân sách chi hoạt động sự nghiệp văn hóa cấp huyện đã đảm bảo hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp; kinh phí cho công tác duy tu, duy trì các di tích theo quy định của Luật Di sản đối với các di tích theo phân cấp quản lý hiện hành và tăng cường kinh phí theo chỉ đạo của Thành phố về phát triển văn hóa-xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2021 – 2025.

5. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình

STT	Nội dung	Định mức	
		Khu vực đô thị	Khu vực còn lại
1	Hoạt động bộ máy của đài	2.000 đồng/người dân/năm	10.000 đồng/người dân/năm
2	Hoạt động sự nghiệp phát thanh		

6. Sự nghiệp đảm bảo xã hội

STT	Nội dung	Định mức	
		Khu vực đô thị	Khu vực còn lại
1	Chi đảm bảo xã hội cho các đối tượng xã hội	Tính theo thực tế đối tượng và chế độ chi	
2	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	14.000 đồng/người dân/năm	10.000 đồng/người dân/năm
3	Các hoạt động xã hội		
4	Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em		

Trong đó:

a. Kinh phí chi đảm bảo xã hội cho các đối tượng xã hội bao gồm kinh phí thực hiện chính sách đối với các đối tượng xã hội (chi trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng, chế độ bảo hiểm, chế độ mai táng phí cho các đối tượng,...²) và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định.

b. Định mức phân bổ kinh phí chi các hoạt động xã hội bao gồm kinh phí chi các hoạt động công tác xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; tổ chức hội nghị, chi khánh tiết; các ngày lễ, tết truyền thống; thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách xã hội; chế độ thăm viếng nghĩa trang, mộ liệt sỹ và các nhiệm vụ chi hoạt động xã hội khác theo quy định; thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

7. Chi quốc phòng

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên:

+ Tại khu vực đô thị 46.000 đồng/người/năm.

+ Tại khu vực còn lại 34.000 đồng/người/năm.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân từ 150.000 đến dưới 200.000 người, định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,2; nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 200.000 dân.

² Áp dụng cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; các cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; dân công hỏa tuyến theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thanh niên xung phong theo Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ; các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố; tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chế độ quà ngày lễ, tết, quà người cao tuổi, BHXH tự nguyện, BHYT cho người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, BHYT học sinh; miễn giảm học phí học sinh dân lập, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; kinh phí thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; trợ cấp đối với người có thành tích theo Quyết định 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách đảm bảo xã hội khác đã ban hành đến hết năm 2021 và còn hiệu lực.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân dưới 150.000 định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,5; nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 150.000 dân.

- Định mức đảm bảo nhiệm vụ chi thực hiện Luật dân quân tự vệ năm 2020, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố và các nhiệm vụ khác theo phân cấp và tăng cường kinh phí theo Chương trình 09-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về *"Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025"*.

8. Chi an ninh

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên:

+ Tại khu vực đô thị 31.000 đồng/người/năm.

+ Tại khu vực còn lại 29.000 đồng/người/năm.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân từ 150.000 đến dưới 200.000 người, định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,2. nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 200.000 dân.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân dưới 150.000 định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,5. nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 150.000 dân.

- Định mức đảm bảo nhiệm vụ chi theo Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy, Pháp lệnh Công an xã, Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an; Nghị quyết của HĐND Thành phố về kinh phí hỗ trợ đối với chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng tại thôn tổ dân phố và các nhiệm vụ khác theo phân cấp và tăng cường kinh phí theo Chương trình 09-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về *"Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025"*.

9. Chi sự nghiệp kinh tế

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã như sau:

+ Tại khu vực đô thị 140.000 đồng/người/năm.

+ Tại khu vực còn lại 220.000 đồng/người/năm.

- Định mức đã bao gồm kinh phí hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kinh tế theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội và Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp

tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội.

10. Chi sự nghiệp môi trường

a. Nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải:

Được xác định trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được giao quản lý, duy trì, đơn giá do UBND Thành phố ban hành và kết quả đấu thầu lĩnh vực vệ sinh môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm kinh phí quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt do các huyện, thị xã quản lý theo phân cấp (nếu có). Căn cứ quy mô, công suất thực tế và thời gian hoạt động của khu tập kết rác thải sinh hoạt, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chuyên ngành, ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã để thực hiện.

b. Sự nghiệp môi trường khác:

Định mức phân bổ là 0,5% tổng chi thường xuyên của 9 lĩnh vực (từ mục 1 đến mục 9 nêu trên) để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Kinh phí sự nghiệp môi trường khác còn dư sau khi đã đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, được sử dụng để chi cho các hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

11. Chi thường xuyên khác của ngân sách

Bố trí bằng 1,5% tổng chi thường xuyên của 9 lĩnh vực (từ mục 1 đến mục 9 nêu trên) của ngân sách quận, huyện, thị xã.

12. Đối với người dân sinh sống tại các xã thuộc bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số, miền núi được tính tăng thêm 20% so với các định mức phân bổ theo dân số nêu trên.

13. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 15/8/2021 của Chính phủ. Đối với các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác là 60.000.000 đồng.

14. Định mức nêu trên được tính toán đảm bảo kinh phí hoạt động bộ máy và thực hiện toàn bộ các nhiệm vụ theo quy định đã ban hành đến hết năm 2021 và còn hiệu lực. Các định mức theo dân số và tỷ lệ được tính toán để tạo nguồn cho các quận, huyện, thị xã. Dự toán cụ thể hàng năm của các lĩnh vực, các đơn vị dự toán do UBND các quận, huyện, thị xã quản lý được xây dựng, báo cáo HĐND cùng cấp quyết định trên cơ sở nhiệm vụ thực tế và chế độ chính sách hiện hành.

15. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2023) các định mức nêu trên được xem xét, điều chỉnh hàng năm do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

IV. Định mức chi thường xuyên ngân sách xã, thị trấn:

1. Định mức khoán chi thường xuyên ngân sách xã, thị trấn (theo cán bộ, công chức để thực hiện hoạt động của bộ máy)

- Cán bộ, công chức xã, thị trấn là 55.000.000/biên chế/năm.
- Người hoạt động không chuyên trách là 22.000.000/người/năm.

- Nội dung chi hoạt động thường xuyên trong định mức, gồm: Dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh, thuê mướn lao động, tạp vụ...); Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng, văn phòng phẩm khác); Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (điện thoại, cước bưu chính, internet, sách, báo, tạp chí, tủ sách pháp luật); Hội nghị, tiếp khách; Công tác phí trong nước; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản phục vụ chuyên môn; Chính lý tài liệu lưu trữ; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh cán bộ, công chức theo định mức quy định tại Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhiệm vụ chuyên môn: Hàng hóa, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng; In ấn phô tô tài liệu, hồ sơ; Sách tài liệu chế độ dùng chuyên môn; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trường bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Xây dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền xã, thị trấn.

2. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã, thị trấn (theo dân số để thực hiện các nhiệm vụ của xã, thị trấn)

2.1. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã, thị trấn phân thành 07 bậc cụ thể như sau:

- (1) Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 260.000 đồng/người dân.
- (2) Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 210.000 đồng/người dân.
- (3) Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 170.000 đồng/người dân.
- (4) Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 100.000 đồng/người dân.
- (5) Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 90.000 đồng/người dân.
- (6) Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 70.000 đồng/người dân.
- (7) Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 50.000 đồng/dân.

Trường hợp định mức chi thường xuyên khác của các xã, thị trấn tính theo nguyên tắc nêu trên thấp hơn 1.300 triệu đồng thì được đảm bảo mức ngân sách tối thiểu là 1.300 triệu đồng/xã, thị trấn.

2.2. Đối với các xã thuộc bãi giữa Sông Hồng, xã vùng dân tộc thiểu số, miền núi được tính tăng thêm 20% so với định mức phân bổ nêu trên.

2.3. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã, thị trấn đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành

phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chỉ công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về an ninh, quốc phòng³; hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chỉ thực hiện các nghiệp vụ của Đảng ủy xã, thị trấn; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND xã, thị trấn; kinh phí khoán chỉ hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã, thị trấn; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận xã, thị trấn; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn; kinh phí trang bị phương tiện bảo vệ dân phố; kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chỉ các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chỉ của xã, thị trấn.

2.4. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã, thị trấn không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn, thôn, tổ dân phố; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù ở xã, thị trấn. Kinh phí cho các nội dung này được tính vào cân đối ngân sách theo chế độ và số lượng thực tế.

2.5. Định mức theo dân số và tỷ lệ được tính toán để tạo nguồn cho các xã, thị trấn. Dự toán cụ thể hàng năm UBND các xã, thị trấn được xây dựng, báo cáo HĐND cùng cấp quyết định trên cơ sở nhiệm vụ thực tế và chế độ chính sách hiện hành.

3. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2023), các định mức nêu trên được xem xét, điều chỉnh hàng năm do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách các cấp./.

³ Luật dân quân tự vệ, Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2016 của Chính phủ; Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã theo phân cấp; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định một số điều và biện pháp thi hành; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, các Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ, dân phòng...



Ký bởi: Sở Tư pháp
Email: vanthu_sotp@hanoi.gov.vn
Ngày ký: 2021-11-19 14:08:25 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 378 /BC-STP

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Sở Tài chính

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách của thành phố Hà Nội theo đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 7174/STC-QLNS ngày 15/11/2021. Hồ sơ gồm: Công văn đề nghị thẩm định, dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và các phụ lục kèm theo, Biểu tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị. Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị thẩm định Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết ban hành, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

1.1. Sự cần thiết ban hành: Để thực hiện các quy định về: thời kỳ ổn định ngân sách, về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; đồng thời để triển khai thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; việc Sở Tài chính xây dựng, trình UBND Thành phố xem xét, trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách của thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền.

1.2. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết là phù hợp với quy định của Luật Ngân sách năm 2015 và các văn bản quy định chi tiết.

2. Sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, phù hợp với Hiến pháp, thống nhất với các quy định



của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành, tuân thủ và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính về điều hành ngân sách năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý một số điểm sau:

- Đối với định mức phân bổ ngân sách: Tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg quy định tại Khoản 1, Điều 23: Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: "Giao Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội: 1. Căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu của ngân sách nhà nước, tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước." và dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố về định mức phân bổ chi ngân sách Thành phố giai đoạn 2022-2025 có nội dung: "Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2023), các định mức nêu trên được xem xét, điều chỉnh tăng thêm hằng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách các cấp.". Nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét để bổ sung vào quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày và Hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết

Dự thảo cơ bản đã được xây dựng theo quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật soạn thảo theo đúng mẫu 16 của phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Từ những nội dung trên, Sở Tư pháp nhận thấy đề dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Lê Hồng Sơn - PCT UBND TP;
- VP UBND Thành phố;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VB PQ(VN).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP
HÀ NỘI
Nguyễn Công Anh

